

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT**

---***---

**RÀ SOÁT CTDT NĂM 2018
NGÀNH KỸ THUẬT TRẮC ĐỊA - BẢN ĐỒ**

NĂM, 2018

Số: - **63** /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày **16** tháng **01** năm **2018**

QUYẾT ĐỊNH

Về việc kiện toàn Hội đồng khoa học và đào tạo
Trường Đại học Mỏ - Địa chất nhiệm kỳ 2015 - 2020

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 772/QĐ-MĐC ngày 24 tháng 6 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Quyết định số 1864/QĐ-MĐC ngày 12 tháng 10 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quyết định thành lập Hội đồng khoa học và đào tạo Trường Đại học Mỏ - Địa chất nhiệm kỳ 2015 - 2020;

Xét nhu cầu công tác và năng lực cán bộ;

Xét đề nghị của Trường Phòng Tổ chức - Cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kiện toàn Hội đồng khoa học và đào tạo Trường Đại học Mỏ - Địa chất nhiệm kỳ 2015 - 2020 gồm 19 thành viên có tên trong danh sách kèm theo.

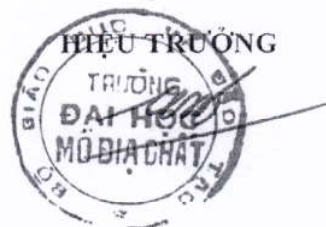
Điều 2. Hội đồng khoa học và đào tạo Trường hoạt động theo quy định tại Điều 19 của Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất ban hành kèm theo Quyết định số 772/QĐ-MĐC ngày 24 tháng 6 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Điều 3. Quyết định này thay thế cho Quyết định số 1864/QĐ-MĐC ngày 12 tháng 10 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà) Trường Phòng Tổ chức - Cán bộ, Trưởng các đơn vị có liên quan và các cán bộ có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Các PHT (để p/h chỉ đạo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- HUMG iOFFICE;
- Lưu: HCTH, TCCB₍₀₁₎.



PGS.TS Lê Hải An

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT NHIỆM KỲ 2015 - 2020
 (Kèm theo Quyết định số: 63 /QĐ-MĐC ngày 16 tháng 01 năm 2018)

Số TT	Đơn vị, chức vụ	Họ và tên	Ghi chú
1	Ban Giám Hiệu	PGS.TS Lê Hải An	Ủy viên
2	Ban Giám Hiệu	PGS.TS Trần Thanh Hải	Ủy viên
3	Ban Giám Hiệu	PGS.TS Bùi Xuân Nam	Ủy viên
4	Trưởng phòng Đào tạo Đại học	PGS.TS Nguyễn Đức Khoát	Ủy viên
5	Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học	PGS.TS Lương Quang Khang	Ủy viên
6	Phó Trưởng phòng phụ trách phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng GD	PGS.TS Dư Thị Xuân Thảo	Ủy viên
7	Trưởng phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế	PGS.TS Nguyễn Quang Minh	Ủy viên
8	Chánh Văn phòng Chương trình tiên tiến	PGS.TS Nguyễn Anh Dũng	Ủy viên
9	Trưởng khoa Lý luận chính trị	TS Trần Thị Phúc An	Ủy viên
10	Trưởng khoa Xây dựng	TS Đỗ Ngọc Anh	Ủy viên
11	Trưởng khoa Môi trường	PGS.TS Đỗ Văn Bình	Ủy viên
12	Trưởng khoa Khoa học cơ bản	TS Công Tiến Dũng	Ủy viên
13	Trưởng khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai	TS Trần Thùy Dương	Ủy viên
14	Phó Trưởng khoa phụ trách khoa Mỏ	TS Phạm Văn Hòa	Ủy viên
15	Trưởng khoa Công nghệ thông tin	TS Nguyễn Quang Khánh	Ủy viên
16	Trưởng khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất	PGS.TS Nguyễn Văn Lâm	Ủy viên
17	Trưởng khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh	TS Nguyễn Duy Lạc	Ủy viên
18	Trưởng khoa Cơ - Điện	TS Khổng Cao Phong	Ủy viên
19	Trưởng khoa Dầu khí	TS Nguyễn Thế Vinh	Ủy viên

Danh sách này có 19 người./.

Số: 349 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Kiện toàn Hội đồng Khoa
khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai nhiệm kỳ 2014 - 2019

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 772/QĐ-MĐC ngày 24 tháng 6 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Xét đề nghị của Trường khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai ngày 28/3/2018;

Xét nhu cầu công tác và năng lực cán bộ;

Xét đề nghị của Trường phòng Tổ chức - Cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kiện toàn Hội đồng Khoa khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai nhiệm kỳ 2014 - 2019 gồm các thành viên có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng Khoa khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai có nhiệm vụ tư vấn cho Trường khoa trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ đổi mới quản lý, đào tạo và nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ của khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà) Trường phòng Tổ chức - Cán bộ, Trường khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai, Trường các đơn vị có liên quan và các cán bộ có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Các PHT (để p/h chỉ đạo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- HUMG eOFFICE;
- Lưu: HCTH, TCCB₍₀₁₎.



PGS.TS Lê Hải Anh

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG KHOA
KHOA TRẮC ĐỊA - BẢN ĐỒ VÀ QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI
(Kèm theo Quyết định số: **349** /QĐ-MĐC ngày **05** tháng **4** năm 2018)

- | | |
|--|----------------------|
| 1. TS Trần Thủy Dương, Trưởng khoa | - Chủ tịch Hội đồng; |
| 2. PGS.TS Nguyễn Quang Minh, Phó Trưởng BM TĐPT và Sai số | - Phó CT Hội đồng; |
| 3. PGS. TS Nguyễn Văn Sáng, Phó Trưởng khoa | - Ủy viên thư ký; |
| 4. PGS.TS Bùi Ngọc Quý, Phó Trưởng khoa | - Ủy viên; |
| 5. TS Trần Quỳnh An, CBGD bộ môn Bản đồ | - Ủy viên; |
| 6. PGS.TS Trần Văn Anh, Phó Trưởng bộ môn Đo ảnh và Viễn thám | - Ủy viên; |
| 7. TS Nguyễn Thế Công, CBGD bộ môn Địa chính | - Ủy viên; |
| 8. GS.TSKH Hoàng Ngọc Hà, Trưởng bộ môn TĐPT và Sai số | - Ủy viên; |
| 9. PGS. TS Nguyễn Việt Hà, Trưởng bộ môn Trắc địa Công trình | - Ủy viên; |
| 10. TS Lê Thị Thu Hà, Phó Trưởng bộ môn Trắc địa Mỏ | - Ủy viên. |
| 11. TS Đinh Công Hòa, Phó Trưởng bộ môn TĐPT và Sai số | - Ủy viên; |
| 12. TS Phạm Thế Huynh, Phó Trưởng bộ môn Địa chính | - Ủy viên; |
| 13. TS Vương Trọng Kha, CBGD bộ môn Trắc địa Mỏ | - Ủy viên; |
| 14. PGS.TS Phạm Công Khải, CBGD bộ môn Trắc địa Mỏ | - Ủy viên; |
| 15. PGS.TS Trần Khánh, CBGD bộ môn Trắc địa Công trình | - Ủy viên; |
| 16. PGS.TS Nguyễn Quang Phúc, CBGD bộ môn Trắc địa Công trình | - Ủy viên; |
| 17. PGS.TS Dương Văn Phong, CBGD bộ môn Trắc địa Cao cấp | - Ủy viên; |
| 18. TS Đỗ Thị Phương Thảo, Phó Trưởng bộ môn Bản đồ | - Ủy viên; |
| 19. PGS.TS Nguyễn Quang Thắng, CBGD bộ môn Trắc địa Công trình | - Ủy viên; |
| 20. PGS.TS Trần Đình Trí, CBGD bộ môn Đo ảnh và Viễn thám | - Ủy viên; |
| 21. TS Vũ Văn Trí, CBGD bộ môn Trắc địa Cao cấp | - Ủy viên; |
| 22. PGS.TS Trần Xuân Trường, Trưởng bộ môn Đo ảnh và Viễn thám | - Ủy viên; |
| 23. TS Nguyễn Thị Kim Yến, Phó Trưởng bộ môn Địa chính | - Ủy viên. |

Danh sách này có 23 người./.

Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2018

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG
Về việc rà soát Chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo
Ngành Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ

I. THÀNH PHẦN

1. Hội đồng khoa học và đào tạo Trường Đại học Mỏ - Địa chất: Các thành viên Hội đồng kèm theo Quyết định số 63/QĐ-MĐC, ngày 16/01/2018 về việc thành lập Hội đồng khoa học và đào tạo Trường Đại học Mỏ - Địa chất nhiệm kỳ 2015-2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

2. Đại diện Hội đồng Khoa học Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai. Các thành viên kèm theo Quyết định số 349/QĐ-MĐC, ngày 05/4/2018 về việc kiện toàn Hội đồng Khoa học Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Thời gian: 10h00, ngày 28 tháng 5 năm 2018.

Địa điểm: Phòng họp Thuận Thành, trường Đại học Mỏ - Địa chất.

II. NỘI DUNG

1. GS.TS Trần Thanh Hải - Phó Hiệu trưởng, Phó chủ tịch Hội đồng khoa học và đào tạo Trường Đại học Mỏ - Địa chất giới thiệu nội dung cuộc họp: Chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo ngành Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ - Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai. Chương trình đào tạo của ngành được xây dựng theo chương trình khung trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. TS. Trần Thùy Dương - Trưởng khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai, Chủ tịch Hội đồng Khoa học Trắc địa - Bản đồ phát biểu và giới thiệu về quá trình rà soát lại Chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo ngành Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ - Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai.

3. PGS.TS Nguyễn Văn Sáng - Phó trưởng Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai, Ủy viên thư ký Hội đồng Khoa học Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai đại diện cho Khoa trình bày chi tiết về nội dung rà soát chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo của ngành Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ. Trình bày những nội dung sau:

- Trình bày tóm tắt nội dung quá trình xây dựng và nội dung chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy ngành Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ - Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai.

- Mục tiêu chung của Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ - Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai như mục tiêu chung; mục tiêu cụ thể là kiến thức, kỹ năng, thái độ, vị trí làm việc sau tốt nghiệp, trình độ ngoại ngữ, trình độ tin học.

Sự cần thiết đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Thời gian đào tạo 5 năm theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Khối lượng kiến thức toàn khóa (tính bằng số tín chỉ): 157-164 tín chỉ.
- Đối tượng tuyển sinh: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành theo Quyết định số 43/2007/BGD&ĐT, ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH, ngày 18/4/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất; Quyết định số 276/QĐ-MĐC, ngày 12/3/2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ).
- Nội dung chương trình: Kiến thức giáo dục đại cương (kiến thức bắt buộc và kiến thức tự chọn) và kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành bắt buộc, kiến thức chuyên ngành, thực tập tốt nghiệp, đồ án tốt nghiệp).

III. CÁC Ý KIẾN CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

1. PGS. TS Nguyễn Đức Khoát - Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Ủy viên Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường.

Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ được xây dựng có mục tiêu rõ ràng, đảm bảo đào tạo sinh viên có kiến thức đại cương và chuyên ngành.

Kế hoạch đào tạo được sắp xếp và phân phối khá hợp lý, đảm bảo tính khoa học và phù hợp với điều kiện học tập của sinh viên.

Đồng ý thông qua chương trình đào tạo của ngành Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ với thời gian đào tạo là 5 năm, khối lượng kiến thức: 157-164 tín chỉ.

Chỉnh sửa chuyên ngành Địa chính với thời lượng là 157 tín chỉ như sau:

- Phân kiến thức chuyên ngành chọn theo Khoa:
 - + Môn Định vị vệ tinh (GPS)-B - MHP: 4050211-2TC chỉ hướng chuyên sâu Quản lý đất đai mới chọn HP 4050211.
 - + Môn TT Trắc địa cao cấp B - MHP: 4050215 - 2TC chỉ hướng chuyên sâu Quản lý đất đai mới chọn HP 4050215.
 - + Môn Hệ thống thông tin đất đai 2 - MHP: 4050623 - 2TC chỉ hướng chuyên sâu Quản lý đất đai mới chọn HP 4050623.
 - + Môn Đo đạc địa chính 2 - MHP: 4050622 - 2TC chỉ hướng chuyên sâu Quản lý đất đai mới chọn HP 4050622.
 - + Môn TT đo đạc địa chính 2 - MHP: 4050624 - 2TC chỉ hướng chuyên sâu Quản lý đất đai mới chọn HP 4050624.
 - + Bộ 6 học phần (Trùng với tự chọn A và HP bắt buộc): Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính - MHP: 4050613 - 2TC; Xác suất thống kê - MHP: 4010105 - 2TC; Phương pháp tính - MHP: 4010106 - 2TC; Logic đại cương - MHP: 4010109-2TC; Toán tối ưu - MHP: 4010110-2TC; Toán rời rạc - MHP: 4010111-2TC.

+ Bổ sung 5 học phần: Thuế bất động sản - MHP: 4050645 - 2TC; Giao đất, thu hồi đất - MHP: 4050646 - 2TC; Quy hoạch và phát triển nông thôn - MHP: 4050647 - 2TC; Bồi thường giải phóng mặt bằng - MHP: 4050648 - 2TC; Địa tin học trong quản lý đất đai và môi trường - MHP: 4050530-2TC.

- Phần kiến thức chuyên ngành chọn theo trường:

+ Môn Định vị vệ tinh (GPS)-A- MHP: 4050203 - 3TC chỉ hướng chuyên sâu Quản lý đất đai mới chọn HP 4050203.

+ Bổ 2 học phần (Trùng với HP bắt buộc): Cơ sở hệ thống tin địa lý (GIS) - MHP: 4050301 - 3TC; Cơ sở viễn thám - MHP: 4050302 - 2TC

+ Bổ sung 5 học phần: Kỹ thuật điện + TN - MHP: 4090301 - 3TC; Cơ sở sinh vật học - MHP: 4040825 - 2TC; Quy hoạch vùng - MHP: 4050649 - 3TC; Phương pháp lập dự án đầu tư - MHP: 4050650 - 2TC; Quản lý đất đô thị - MHP: 4050653 - 2TC

2. TS. Đỗ Ngọc Anh - Trưởng Khoa Xây dựng, Ủy viên Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường.

Nhất trí thông qua chương trình đào tạo của ngành Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ và chỉnh sửa chuyên ngành Địa chính về phần kiến thức chuyên ngành chọn theo Khoa và phần kiến thức chuyên ngành chọn theo trường về thời lượng là 157 tín chỉ vẫn giữ nguyên.

3. TS. Nguyễn Quang Khánh – Trưởng Khoa Công nghệ thông tin, Ủy viên Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường.

Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ được xây dựng 5 năm theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chương trình đào tạo có cấu trúc và nội dung được lựa chọn và sắp xếp có hệ thống, đảm bảo thời lượng theo quy định, đảm bảo yêu cầu theo thông tư 07 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nhất trí thông qua chương trình đào tạo của ngành Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ

4. GS.TS Bùi Xuân Nam - Phó Hiệu trưởng, Ủy viên Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường.

Nhất trí chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ được xây dựng phù hợp với quy chế đào tạo hệ Đại học chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời chương trình được xây dựng phù hợp với điều kiện thực tế của Trường Đại học Mở - Địa chất trong lĩnh vực đào tạo cũng như phù hợp với xu thế đào tạo hiện hành.

Chương trình đào tạo có cấu trúc và nội dung được lựa chọn và sắp xếp có hệ thống, đảm bảo tính logic đã gắn kết với nhau, các môn học được lựa chọn tương đối phù hợp.

IV. PHẦN TRẢ LỜI CỦA KHOA

TS. Nguyễn Thùy Dương - Trưởng Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai

Giải thích đầy đủ và chi tiết những ý kiến đóng góp của thành viên Hội đồng:

- Trao đổi và làm rõ một số vấn đề mà các thành viên của hội đồng đưa ra; Tóm tắt việc chuẩn bị kỹ lưỡng của Khoa từ việc thành lập ban xây dựng và rà soát thường xuyên tới việc phân công các cán bộ trong Khoa tham gia xây dựng các nội dung của chương trình đào tạo.

- Tiếp thu các ý kiến đóng góp của các thành viên Hội đồng, Khoa và Ban xây dựng các chuyên ngành sẽ tiến hành chỉnh sửa và hoàn thiện hoàn chỉnh.

1. Tiếp thu các ý kiến đóng góp và sẽ chỉ đạo các Bộ môn chỉnh sửa những thiếu sót trong Chương trình đào tạo;

2. Chỉ đạo các bộ môn trực tiếp chỉnh sửa các chương trình đào tạo theo những đóng góp của Hội đồng;

3. Đề nghị phòng Đào tạo Đại học cập nhật những nội dung đã chỉnh sửa.

V. KẾT LUẬN CỦA HỘI ĐỒNG

Phó chủ tịch Hội đồng khoa học và đào tạo Trường Đại học Mở - Địa chất, GS.TS Trần Thanh Hải tổng kết các ý kiến của các thành viên trong Hội đồng và kết luận:

1. Đồng ý các yêu cầu rà soát chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ (Chỉnh sửa chuyên ngành Địa chính).

2. Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai và Bộ môn hoàn chỉnh những nội dung đã góp ý.

3. Phòng Đào tạo Đại học phối hợp với Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai và các Bộ môn xác định, điều chỉnh mã số các học phần thay đổi, kiểm tra, thẩm định và trình Nhà trường ra quyết định./.

THƯ KÝ



PGS. TS Nguyễn Đức Khoát

CHỦ TỌA



Số: 1229/QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Tổ công tác rà soát, điều chỉnh Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra cho chuyên ngành Bản đồ - Mã số: 752050304
(ngành Kỹ thuật trắc địa - bản đồ - Mã số: 7520503)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH ngày 18/4/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quyết định số 276/QĐ-MĐC ngày 12/3/2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 01/2017/QĐ-TTg ngày 17/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1463/QĐ-MĐC ngày 02/11/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ vào Quyết định số 67/QĐ-MĐC ngày 17/01/2018 về việc thành lập Ban chỉ đạo rà soát và cập nhật chương trình đào tạo; Căn cứ vào Quyết định số 88/QĐ-MĐC ngày 22/01/2018 về việc thành lập các Tổ công tác rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ công văn số 163-04/MĐC-TĐ-BĐ-QLĐĐ ngày 16/3/2018 của Hội đồng khoa học khoa Trắc địa - Bản đồ & Quản lý đất đai về việc thành lập Tổ rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra;

Xét đề nghị của Ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng khoa Trắc địa - Bản đồ & Quản lý đất đai,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập tổ công tác rà soát, điều chỉnh Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra (danh sách kèm theo).

Điều 2. Tổ công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo có nhiệm vụ tổ chức triển khai việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra và được hưởng các chế độ theo quy định hiện hành. Tổ công tác tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng phòng Tài vụ, Trưởng các đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

Nơi nhận: *1cc*

- Như điều 3 (để t/h);
- Các PHT (để p/hợp chỉ đạo);
- Lưu: HC-TH, ĐTĐH (09)



PGS.TS Lê Hải An

DANH SÁCH

**TỔ CÔNG TÁC RÀ SOÁT, ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐỀ CƯƠNG CHI
TIẾT HỌC PHẦN, CHUẨN ĐẦU RA**

(Kèm theo Quyết định số 1229/QĐ-MĐC ngày 19 tháng 7 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất)

- 
- | | |
|-----------------------------|-----------------------------------|
| 1. TS. Bùi Ngọc Quý | Trưởng bộ môn Bản đồ, Tổ trưởng. |
| 2. TS. Đỗ Thị Phương Thảo | Phó trưởng bộ môn Bản đồ, Thư ký. |
| 3. TS. Trần Quỳnh An | Bộ môn Bản đồ, Thành viên |
| 4. ThS. Dương Anh Quân | Bộ môn Bản đồ, Thành viên |
| 5. ThS. Trần Thị Tuyết Vinh | Bộ môn Bản đồ, Thành viên |
| 6. ThS. Nguyễn Văn Lợi | Bộ môn Bản đồ, Thành viên |
| 7. ThS. Phạm Văn Hiệp | Bộ môn Bản đồ, Thành viên |
| 8. ThS. Nguyễn Danh Đức | Bộ môn Bản đồ, Thành viên |

Tổng số: 08 cán bộ./.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
KHOA TRẮC ĐỊA – BẢN ĐỒ VÀ QLDD

Số: 163-04/MĐC-TĐ-BĐ&QLDD

V/v thành lập Tổ công tác rà soát, điều chỉnh
chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học
phần, chuẩn đầu ra

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2018

Kính gửi: - Ban Giám hiệu;
- Phòng Đào tạo Đại học.

Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 01/2017/QĐ-TTg ngày 17/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1463/QĐ-MĐC ngày 02/11/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ vào Quyết định số 67/QĐ-MDC ngày 17/01/2018 về việc thành lập Ban chỉ đạo rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ vào Quyết định số 88/QĐ-MĐC ngày 22/01/2018 về việc thành lập các Tổ công tác rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ vào thông báo số 141/MĐC-ĐTĐH ngày 12/3/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc rà soát, điều chỉnh Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra;

Căn cứ vào cuộc họp của bộ môn Bản đồ về việc thành lập tổ công tác rà soát cho chuyên ngành Bản đồ - Mã số: 752050304 (ngành Kỹ thuật Trắc địa bản đồ - Mã số: 7520503).

Bộ môn Bản đồ đề nghị Ban Giám hiệu và phòng Đào tạo Đại học thành lập tổ công tác rà soát, điều chỉnh Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra:

- | | |
|-----------------------------|----------------------------------|
| 1. TS. Bùi Ngọc Quý | Trưởng bộ môn Bản đồ, Tổ trưởng. |
| 2. TS. Đỗ Thị Phương Thảo | P. Trưởng bộ môn Bản đồ, Thư ký. |
| 3. TS. Trần Quỳnh An | Bộ môn Bản đồ, Thành viên. |
| 4. ThS. Dương Anh Quân | Bộ môn Bản đồ, Thành viên. |
| 5. ThS. Trần Thị Tuyết Vinh | Bộ môn Bản đồ, Thành viên |
| 6. ThS. Nguyễn Văn Lợi | Bộ môn Bản đồ, Thành viên |
| 7. ThS. Phạm Văn Hiệp | Bộ môn Bản đồ, Thành viên |
| 8. ThS. Nguyễn Danh Đức | Bộ môn Bản đồ, Thành viên |

Trân trọng ./.

Hội đồng khoa
Khoa Trắc địa – Bản đồ và QLDD


Trần Thuý Diệu

Bộ môn Bản đồ


TS. Bùi Ngọc Quý

BIÊN BẢN HỌP BỘ MÔN

Về việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết, chuẩn đầu ra ở trình độ Đại học cho chuyên ngành Bản đồ - Mã số: 752050304 (ngành Kỹ thuật Trắc địa Bản đồ - Mã số: 7520503)

Ngày 27 tháng 3, vào lúc 9h30, Bộ môn Bản đồ đã họp về việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra ở trình độ Đại học chuyên ngành: Bản đồ - Mã số 752050304 (ngành: Kỹ thuật Trắc địa Bản đồ - Mã số 7520503). Thành phần tham dự:

- Các cán bộ tham gia giảng dạy Đại học chuyên ngành Bản đồ (ngành Kỹ thuật Trắc địa Bản đồ)

- Chủ trì cuộc họp: TS. Bùi Ngọc Quý - Trưởng bộ môn (Tổ trưởng công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu)

- Thư ký: TS. Đỗ Thị Phương Thảo (Thư ký tổ công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu)

NỘI DUNG:

1. TS. Bùi Ngọc Quý - chủ trì cuộc họp nêu lý do tổ chức cuộc họp.

2. TS. Bùi Ngọc Quý thay mặt Bộ môn Bản đồ trình bày tóm tắt sự cần thiết về việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra ở trình độ Đại học.

3. Các thành viên tham dự cuộc họp phát biểu ý kiến:

3.1. TS. Đỗ Thị Phương Thảo:

Hệ thống môn học qua quá trình đào tạo đã cho thấy sự logic

3.2. ThS. Phạm Văn Hiệp

Trong quá trình học, bài tập của các môn phối hợp nhau ít dẫn đến sinh viên phải thực hành một công đoạn trong 2-3 môn

3.3. ThS. Trần Thị Tuyết Vinh

Quá trình rà soát chưa thấy bất hợp lý hay cần phải điều chỉnh trong đề cương chi tiết

3.4. ThS. Nguyễn Danh Đức

Tán thành giữ nguyên chương trình và đề cương các môn

3.5. ThS. Nguyễn Văn Lợi

Giữ nguyên hệ thống chương trình đào tạo nhằm ổn định chất lượng kiến thức

3.6. TS. Trần Quỳnh An

Không nên rút ngắn chương trình mà giữ nguyên.

* Các thành viên khác: Về cơ bản đồng ý với việc giữ nguyên các nội dung của Tổ công tác rà soát, điều chỉnh. Cụ thể từng môn như sau:

STT	Mã HP	Tên HP	Nội dung
1	4050701	Cơ sở bản đồ và vẽ bản đồ + ĐA	Giữ nguyên
2	4050702	Địa lý tự nhiên	Giữ nguyên
3	4050703	Địa lý kinh tế xã hội	Giữ nguyên
4	4050705	Thiết kế và thành lập bản đồ + BTL	Giữ nguyên
5	4050704	Phép chiếu bản đồ + ĐA	Giữ nguyên
6	4050707	Bản đồ chuyên đề + ĐA	Giữ nguyên
7	4050706	Bản đồ địa lý chung 1	Giữ nguyên

8	4050709	Trình bày bản đồ 1	Giữ nguyên
9	4050722	Trình bày bản đồ 2	Giữ nguyên
10	4050723	Bản đồ địa lý chung 2	Giữ nguyên
11	4050721	Thực tập bản đồ 1	Giữ nguyên
12	4050716	ứng dụng phần mềm đồ họa trong biên tập và thành lập bản đồ	Giữ nguyên
13	4050731	Tiếng Anh chuyên bản đồ	Giữ nguyên
14	4050708	Bản đồ biển	Giữ nguyên
15	4050312	Công tác biên tập bản đồ trong công nghệ đo ảnh số	Giữ nguyên
16	4050711	In bản đồ	Giữ nguyên
17	4050719	Tổ chức sản xuất bản đồ và an toàn lao động	Giữ nguyên
18	4050710	Phân tích và sử dụng bản đồ	Giữ nguyên
19	4050713	Internet – GIS	Giữ nguyên
20	4050714	Ứng dụng GIS trong biên tập thành lập Bđồ	Giữ nguyên
21	4050712	Cơ sở dữ liệu GIS	Giữ nguyên
22	4050715	ứng dụng tư liệu viễn thám trong thành lập bản đồ chuyên đề	Giữ nguyên
23	4050720	Sử dụng phần mềm GIS	Giữ nguyên
24	4050718	ứng dụng GIS hỗ trợ ra quyết định	Giữ nguyên
25	4050730	Các phương pháp sử dụng bản đồ	Giữ nguyên
26	4050727	ứng dụng tin học trong thiết kế và thành lập bản đồ	Giữ nguyên
27	4050728	Thiết kế bản đồ đa phương tiện	Giữ nguyên
28	4050729	3D GIS và mô hình hóa bề mặt	Giữ nguyên
29	4050732	ứng dụng bản đồ và GIS trong quản lý tài nguyên và môi trường	Giữ nguyên
30	4050745	Sử dụng phần mềm MicroStation	Giữ nguyên
31	4050752	Sử dụng phần mềm Mapinfo	Giữ nguyên
32	4050743	Tổng quát hóa bản đồ	Giữ nguyên
33	4050746	Kỹ năng trình bày bản đồ trên máy tính	Giữ nguyên
34	4050731	Công nghệ vẽ bản đồ	Giữ nguyên
35	4050724	Thực tập sản xuất	Giữ nguyên
36	4050725	Thực tập tốt nghiệp	Giữ nguyên
37	4050726	Đồ án tốt nghiệp	Giữ nguyên

4. Các thành viên trong Tổ công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo trả lời và giải đáp các ý kiến về việc điều chỉnh - bổ sung trong chương trình đào tạo.

5. TS. Bùi Ngọc Quý tổng hợp các ý kiến và thống nhất các nội dung rà soát, điều chỉnh trong chương trình đào tạo và phân công nhiệm vụ cho các cá nhân trong việc thống kê lại chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra trước khi thông qua Hội đồng Khoa học và đào tạo Khoa, Nhà trường:

Cuộc họp kết thúc hồi cùng ngày, biên bản cuộc họp được các thành viên tham dự họp nhất trí thông qua.

THƯ KÝ CUỘC HỌP



TS. Đỗ Thị Phương Thảo

CHỦ TRÌ



TS. Bùi Ngọc Quý

BIÊN BẢN HỘI THẢO

Về việc điều chỉnh phiên bản chương trình đào tạo năm 2016 với năm 2018

Ngày 30 tháng 3 năm 2018, Bộ môn Bản đồ đã tổ chức Hội thảo lấy ý kiến đóng góp về việc điều chỉnh phiên bản chương trình đào tạo ở trình độ Đại học chuyên ngành/ ngành: Bản đồ

Thành phần tham dự:

- Thành viên Hội đồng khoa học Khoa: TS. Trần Thùy Dương
- Thành viên Tổ công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo
- Các Đại biểu khách mời
- Chủ trì cuộc họp: TS. Bùi Ngọc Quý
- Thư ký: TS. Đỗ Thị Phương Thảo

NỘI DUNG:

1. TS. Bùi Ngọc Quý chủ trì buổi hội thảo nêu lý do tổ chức cuộc họp;
2. TS. Đỗ Thị Phương Thảo thay mặt Bộ môn Bản đồ trình bày tóm tắt sự cần thiết về việc điều chỉnh phiên bản chương trình đào tạo ngành Bản đồ; các nội dung điều chỉnh - bổ sung, thay đổi trong CTĐT ngành bản đồ, cụ thể:
 - Rà soát chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần;
 - Rà soát đề cương chi tiết học phần;
 - Từ việc rà soát trên, tiến hành đưa ra điều chỉnh chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần cho phù hợp với thực tế.
3. Các thành viên tham dự cuộc họp phát biểu ý kiến và thống nhất những nội dung sau:
 - Về chương trình đào tạo chuyên ngành: Khối lượng kiến thức của chương trình đào tạo đáp ứng được yêu cầu về chuẩn trình độ kiến thức ngành. Do vậy vẫn giữ nguyên chương trình đào tạo của năm 2016;
 - Về kế hoạch đào tạo: phù hợp với khối ngành kỹ thuật và khối lượng kiến thức ngành và vẫn giữ nguyên chương trình đào tạo của năm 2016.
4. Các thành viên trong Tổ công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo trao đổi và giải đáp các ý kiến về việc điều chỉnh - bổ sung phiên bản trong chương trình đào tạo năm 2016 với năm 2018.

5. TS. Bùi Ngọc Quý tổng hợp các ý kiến và thống nhất các nội dung cần điều chỉnh phiên bản trong chương trình đào tạo năm 2016 với năm 2018.

- Về chương trình đào tạo: phù hợp với xu hướng phát triển của xã hội và đáp ứng được yêu cầu thực tế ngành; đáp ứng yêu cầu thực tế ngành; kế hoạch đào tạo phù hợp với khối lượng kiến thức đào tạo;

- Về cương chi tiết học phần: tên các học phần tương đối phù hợp nội dung và mục đích của học phần. Số tín chỉ mỗi học phần đáp ứng được khối lượng kiến thức cần cung cấp của học phần. Giáo viên tham gia giảng dạy của học phần phù hợp với trình độ chuyên môn. Phân bố thời lượng của học phần cân đối giữa các mảng kiến thức trong từng học phần. Phân bố cơ cấu học phần: đáp ứng được tính logic của học phần và đáp ứng được đòi hỏi về kiến thức chủ đạo của học phần;

- Kết luận: Chương trình đào tạo chuyên ngành Bản đồ hiện đang đào tạo bảo đảm tính khoa học và hội nhập phù hợp với yêu cầu, mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra ngành đào tạo theo quy định của trường Đại học Mở - Địa chất.

Buổi hội thảo kết thúc hồi h cùng ngày, biên bản hội thảo được các thành viên tham dự họp nhất trí thông qua.

THƯ KÝ CUỘC HỌP



TS. ĐỖ THỊ PHƯƠNG THẢO

CHỦ TRÌ

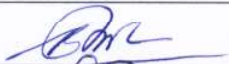
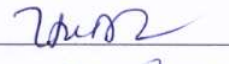


TS. BÙI NGỌC QUÝ

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2018

DANH SÁCH ĐẠI BIỂU DỰ HỘI THẢO

(Về việc điều chỉnh phiên bản chương trình đào tạo năm 2016 với năm 2018)

STT	HỌ VÀ TÊN	ĐƠN VỊ	CHỮ KÝ
1	Bùi Ngọc Quý	Bm Bản đồ	
2	Lê Thanh Nghi	Bm ĐA & VT	
3	Ta Thị Thu Hương	KTD-BĐ & QLDD	
4	Đoàn Thị Nam Phương	KT	
5	Nguyễn Danh Đức	Bản Đồ	
6	Đỗ Thị Phương Thảo	BP	
7	Nguyễn Thị Huyền	Bm Địa Chính	
8			
9			
10			
11			
12			
13			
14			
15			
16			
17			
18			
19			
20			

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2018

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO
KHOA TRẮC ĐỊA - BẢN ĐỒ VÀ QLDD**

Về việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra chuyên ngành Bản đồ- Mã số: 752050304

(Ngành Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ - Mã số: 7520503)

I. THÀNH PHẦN

1. Hội đồng khoa học và Đào tạo khoa Trắc địa- Bản đồ và Quản lý đất đai. Các thành viên kèm theo Quyết định số 462/QĐ-MDC, ngày 03/5/2012 về việc thành lập Hội đồng Khoa học và Đào tạo khoa Trắc địa- Bản đồ và Quản lý đất đai của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

2. Đại diện lãnh đạo Bộ môn Bản đồ

Thời gian: 10h, ngày 16 tháng 4 năm 2018.

Địa điểm: Văn phòng khoa Trắc địa- Bản đồ và QLDD, Nhà C12 tầng, trường Đại học Mỏ - Địa chất.

II. NỘI DUNG

1. GVC TS. Trần Thùy Dương - Trưởng khoa, Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa giới thiệu nội dung cuộc họp: Chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra chuyên ngành Bản đồ- Mã số: **752050304** (ngành Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ - Mã số: **7520503**) - Khoa Trắc địa- Bản đồ và Quản lý đất đai. Chương trình đào tạo của ngành được xây dựng theo chương trình khung trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. GV. TS Bùi Ngọc Quý – Trưởng Bộ môn Trắc địa mở đại diện cho Bộ môn trình bày chi tiết về nội dung rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo của chuyên ngành Bản đồ - Mã số: **752050304** (ngành Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ - Mã số: **7520503**). Trình bày những nội dung sau:

- Mục tiêu của Chương trình đào tạo chuyên ngành Bản đồ
- Sự cần thiết đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
- Thời gian đào tạo 5 năm theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Khối lượng kiến thức toàn khóa (tính bằng số tín chỉ) theo 2 hướng chuyên sâu: 164 tín chỉ và 167 tín chỉ.
- Đối tượng tuyển sinh: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp
- Nội dung chương trình: Kiến thức giáo dục đại cương (kiến thức bắt buộc và kiến thức tự chọn) và kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành bắt buộc, kiến thức chuyên ngành, thực tập tốt nghiệp, đồ án tốt nghiệp).

III. CÁC Ý KIẾN CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

1. TS. Nguyễn Văn Sáng - Trưởng Bộ môn Trắc địa cao cấp
2. PGS. TS Nguyễn Quang Minh - Bộ môn Trắc địa phổ thông
3. TS. Nguyễn Việt Hà - Trưởng Bộ môn Trắc địa công trình
4. PGS. TS. Trần Xuân Trường - Trưởng bộ môn Trắc địa ảnh- Viễn thám và GIS
5. TS Trần Thùy Dương- Trưởng khoa
6. TS Bùi Ngọc Quý - Trưởng Bộ môn Trắc địa bản đồ
7. TS Lê Thị Thu Hà – Phó trưởng Bộ môn Trắc địa mở

IV. PHẢN TRẢ LỜI CỦA BỘ MÔN

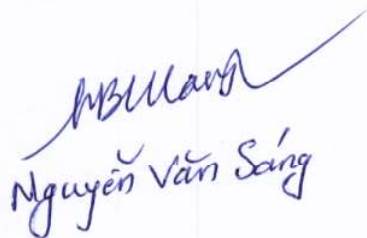
GV TS Bùi Ngọc Quý – Trưởng bộ môn Bản đồ: Năm 2016 bộ môn đã xây dựng, cập nhật mới chương trình đào tạo chuyên ngành Bản đồ. Chương trình đã được Khoa và Nhà trường thông qua. Trong khoảng thời gian từ năm 2016-2018 bộ môn đã đào tạo theo chương trình này và không có sự thay đổi nào. Bộ môn không gặp bất kỳ vấn đề gì khi triển khai thực hiện

V. KẾT LUẬN CỦA HỘI ĐỒNG

Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo khoa, GVC. TS Trần Thùy Dương tổng kết các ý kiến của các thành viên trong Hội đồng và kết luận:

1. Hội đồng khoa học khoa nhất trí với nội dung các tài liệu đã nộp của bộ môn Bản đồ.
2. Thông qua việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra chuyên ngành Bản đồ - Mã số: 752050304

THƯ KÝ


Nguyễn Văn Sáng

CHỦ TỌA


GVC.TS Trần Thùy Dương

Số 230/QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 5 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ đại học chuyên ngành Bản đồ
- Mã số: 752050304; ngành Kỹ thuật trắc địa - bản đồ - Mã số: 7520503 của
Khoa Trắc địa - Bản đồ & Quản lý đất đai - Trường Đại học Mỏ - Địa chất

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1463/QĐ-MĐC ngày 02/11/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ vào Quyết định số 67/QĐ-MĐC ngày 17/01/2018 về việc thành lập Ban chỉ đạo rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ vào Quyết định số 88/QĐ-MĐC ngày 22/01/2018 về việc thành lập các Tổ công tác rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1229/QĐ-MĐC ngày 13/3/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc thành lập Tổ công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra cho chuyên ngành Bản đồ - Mã số: 752050304 (ngành Kỹ thuật trắc địa - bản đồ - Mã số: 7520503);

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo Đại học, Trường phòng Đào tạo Sau đại học, Trường khoa Trắc địa - Bản đồ & Quản lý đất đai,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ đại học chuyên ngành Bản đồ (ngành Kỹ thuật trắc địa - bản đồ) gồm các thành viên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ đại học tổ chức thực hiện thẩm định chương trình theo Quy định của Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT và được hưởng các quyền lợi khác theo quy định hiện hành. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông (bà) Trường phòng Đào tạo Đại học, Trường phòng Đào tạo Sau đại học, Trường khoa Trắc địa - Bản đồ & Quản lý đất đai, Trường các đơn vị có liên quan và các thành viên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: *LCB*
- Như Điều 3 (để t/hiện);
- Lưu: HCTH, ĐTDH(09).



PGS.TS Lê Hải An

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ**ĐẠI HỌC CHUYÊN NGÀNH BẢN ĐỒ - MÃ SỐ: 752050304****(NGÀNH KỸ THUẬT TRẮC ĐỊA - BẢN ĐỒ - MÃ SỐ: 7520503)**

(Kèm theo QĐ số: 1230/QĐ-MĐC ngày 05/4/2018

của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất)

TT	Họ tên	Đơn vị công tác	Nhiệm vụ
1	PGS.TS Nhữ Thị Xuân	Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội	Chủ tịch hội đồng
2	PGS.TS Bùi Ngọc Quý	Trường bộ môn Bản đồ, Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Thư ký
3	TS. Phạm Minh Hải	Phó Viện trưởng, Viện khoa học Đo đạc và Bản đồ Việt Nam	Ủy viên
4	TS. Lưu Thế Anh	Viện Địa lý, Viện hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	Ủy viên
5	TS. Nguyễn Thế Công	Phó trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Ủy viên
6	TS. Trần Thùy Dương	Trưởng khoa Trắc địa - Bản đồ & Quản lý đất đai, Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Ủy viên
7	TS. Nghiêm Văn Tuấn	Cục viễn thám Quốc Gia	Ủy viên

Tổng số: 07 cán bộ./.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
KHOA TRẮC ĐỊA – BẢN ĐỒ VÀ QLDD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 0304-04/MĐC-TĐ-BĐ&QLDD
V/v thành lập Hội đồng thẩm định chương
trình đào tạo trình độ đại học
chuyên ngành Bản đồ

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2018

Kính gửi:

- Ban Giám hiệu;
- Phòng Đào tạo Đại học.

Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 01/2017/QĐ-TTg ngày 17/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1463/QĐ-MĐC ngày 02/11/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ vào Quyết định số 67/QĐ-MĐC ngày 17/01/2018 về việc thành lập Ban chỉ đạo rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ vào Quyết định số 88/QĐ-MĐC ngày 22/01/2018 về việc thành lập các Tổ công tác rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ vào cuộc họp của bộ môn Bản đồ về việc thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo cho chuyên ngành Bản đồ - Mã số: 752050304 (ngành Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ - Mã số: 7520503). Bộ môn Bản đồ đề nghị Ban Giám hiệu và phòng Đào tạo Đại học thành lập hội đồng thẩm định với danh sách như sau:

1	PGS.TS Nhữ Thị Xuân	Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội	Chủ tịch
2	PGS TS. Bùi Ngọc Quý	Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Thư ký
3	TS. Phạm Minh Hải	Phó Viện trưởng, Viện khoa học Đo đạc và Bản đồ Việt Nam	Ủy viên
4	TS. Lưu Thế Anh	Viện địa lý, Viện hàn lâm KH&CN Việt Nam	Ủy viên

5	TS Nguyễn Thế Công	Phó trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trường Đại học Mở - Địa chất	Ủy viên
6	TS. Trần Thùy Dương	Trường Đại học Mở - Địa chất	Ủy viên
7	TS. Nghiêm Văn Tuấn	Cục viễn thám Quốc gia	Ủy viên

Trân trọng ./.

Hội đồng khoa
Khoa Trắc địa – Bản đồ và QLDD


Trần Thùy Dương

Bộ môn Bản đồ


TS. Bùi Ngọc Quý

BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Hôm nay, vào hồi 9 ngày 12 tháng 4 năm 2018 tại Văn phòng bộ môn Bản đồ P.1003 Nhà C12 - Trường Đại học Mỏ-Địa chất. Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo hệ Đại học chính quy ngành: Trắc địa- Bản đồ và Quản lý đất đai - Mã số: 7520503, chuyên ngành đào tạo: Bản đồ (mã số 752050304) của Trường Đại học Mỏ-Địa chất đã họp, cụ thể như sau:

I. Thành phần Hội đồng thẩm định

Số TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Trách nhiệm trong hội đồng
1	PGS.TS Nhữ Thị Xuân	Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội	Chủ tịch
2	TS. Bùi Ngọc Quý	Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Thư ký
3	TS. Phạm Minh Hải	Phó Viện trưởng, Viện khoa học Đo đạc và Bản đồ Việt Nam	Ủy viên
4	TS. Lưu Thế Anh	Viện địa lý, Viện hàn lâm KH&CN Việt Nam	Ủy viên
5	TS Nguyễn Thế Công	Phó trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Ủy viên
6	TS. Trần Thùy Dương	Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Ủy viên
7	TS. Nghiêm Văn Tuấn	Cục viễn thám Quốc gia	Ủy viên

II. Nội dung thẩm định

- Bộ môn báo cáo tóm tắt nội dung quá trình xây dựng và nội dung chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy ngành đào tạo: Trắc địa- Bản đồ - Mã số: 7520503, chuyên ngành đào tạo: Bản đồ (Mã số 752050304)
- Ý kiến của các thành viên Hội đồng về chương trình đào tạo:
 - Các phản biện lần lượt đọc nhận xét phản biện (có biên bản kèm theo)
 - Hội đồng và những người tham dự nêu câu hỏi, nhận xét:

- Nhận xét về mục tiêu của chương trình đào tạo:

- + Một số điểm ở phần mục tiêu chung gần trùng với mục tiêu về kỹ năng.
- + Cần chỉnh sửa cho súc tích, ngắn gọn hơn.
- + Các mục tiêu về kỹ năng và các mục tiêu khác được trình bày rõ ràng, chi tiết, đầy đủ.

- Thời lượng của chương trình đào tạo:

- + Thời gian đào tạo 5 năm và khối lượng kiến thức như vậy hiện nay là phù hợp với chương trình đào tạo ở trình độ đại học theo khung của Bộ giáo dục và Đào tạo cho khối ngành kỹ thuật. Tuy nhiên, để tiếp cận với các chương trình đào tạo kỹ sư khối ngành tương tự trên thế giới cũng như các định hướng theo chuẩn CDIO cần có lộ trình giảm thời lượng xuống còn 4 năm sẽ phù hợp hơn;

- Cấu trúc chương trình:

- + Cấu trúc chương trình logic và cân đối giữa các khối kiến thức..
- + Phần kiến thức khoa học tự nhiên đáp ứng cho khối lượng kiến thức sinh viên.

- Nội dung chương trình:

- + Nội dung đáp ứng được được mục tiêu, phù hợp với trình độ đào tạo, đảm bảo tính hiện đại, hội nhập và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội đất nước. Nội dung đào tạo thể hiện có sự kết hợp giữa lý thuyết, thực tế và thực hành đáp ứng được về đào tạo kỹ năng phù hợp với thực tế sản xuất hiện nay, tuy nhiên thời lượng còn hơi dài.

+ Phương pháp đánh giá được trình bày rõ ràng, phù hợp với quy định về đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

+ Tài liệu tham khảo được giới thiệu đầy đủ trong các đề cương chi tiết của các học phần. Tài liệu tham khảo phù hợp và đảm bảo chất lượng.

- Đề cương chi tiết học phần được trình bày khá đầy đủ và chi tiết.

- Phân phối chương trình giữa các học kỳ tương đối hợp lý, và có tính liên thông giữa các học phần và phù hợp với khoa học công nghệ trong lĩnh vực bản đồ và hệ thống tin địa lý hiện nay.

Câu hỏi của hội đồng:

- 1) Chương trình đào tạo chuyên ngành Bản đồ được bộ môn xây dựng dựa trên những căn cứ nào?
- 2) Khi xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành Bản đồ thì Bộ môn có sự tham khảo của các chương trình đào tạo đã có trong và ngoài nước không?
- 3) Chương trình đào tạo này có tính đến sự tiếp cận của khoa học và công nghệ trên thế giới không?
- 4) Chương trình có đảm bảo gắn với thực tế không? Tính thực tế của chương trình được thể hiện ở đâu?

3. Bộ môn trả lời các câu hỏi của thành viên Hội đồng thẩm định

1) Chương trình Đại học chính quy chuyên ngành Bản đồ được xây dựng dựa trên cơ sở chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo áp dụng cho hệ Đại học chính quy ngành Bản đồ và các quy chế đào tạo đại học hiện hành của Bộ giáo dục và đào tạo và Trường Đại học Mở - Địa chất như: quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ bản hành theo văn bản hợp nhất số 17/VBHN ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và đào tạo, quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/08/2007 của Bộ Trường Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH, ngày 18 tháng 04 năm 2013 của Hiệu Trường Trường Đại học Mở - Địa chất; Quyết định số 276/QĐ-MDC ngày 12/03/2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ.

2) Chương trình có sự tham khảo nhất định từ chương trình của một số trường đại học trên thế giới như: Nga, Pháp, Trung Quốc, Đài Loan,...và các chương trình đào tạo của một số cơ sở đào tạo trong nước như Trường đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh,...

3) Chương trình đào tạo này đã có sự cập nhật các kiến thức và công nghệ hiện đại trong đào tạo Bản đồ, viễn thám và hệ thống tin địa lý trong nước và quốc tế, phù hợp với các yêu cầu về công nghệ sản xuất bản đồ và hệ thống tin địa lý hiện nay ở nước ta. Đồng thời có tính đến yêu cầu phát triển khoa học công nghệ trong lĩnh vực bản đồ và hệ thống tin địa lý trong xu thế hội nhập cũng như sự phát triển của khoa học công nghệ ở trong và ngoài nước. Những vấn đề này thể hiện rất rõ trong nội dung đề cương chi tiết của từng

học phần, có tham chiếu đến các tài liệu tham khảo trong và ngoài nước để cập nhật kiến thức và xu hướng trong tương lai.

5) Chương trình đã có sự vận dụng thực tế cao, tính thực tế của chương trình được thể hiện thông qua việc tăng cường các học phần thực hành, thực tập vào nội dung chương trình như: Thực tập Bản đồ, thực tập sản xuất, thực tập tốt nghiệp. Việc này tạo điều kiện cho sinh viên thực hành và liên hệ thực tế với công tác Biên tập và thành lập Bản đồ giúp hiểu sâu hơn và có khả năng ứng dụng vào thực tiễn tốt hơn.

4. Hội đồng thẩm định họp riêng thảo luận, bầu ban kiểm phiếu, bỏ phiếu kín.

Ban kiểm phiếu được đề nghị gồm 3 thành viên:

TS. Bùi Ngọc Quý	Trưởng ban
TS. Trần Thùy Dương	Ủy viên
TS. Phạm Minh Hải	Ủy viên

Sau khi trao đổi thảo luận về các nhận xét của các phản biện, thành viên của Hội đồng và một số nội dung khác về giải trình của Bộ môn Bản đồ, 7 thành viên của Hội đồng đã tóm tắt các ý kiến cá nhân và bỏ phiếu kín.

5. Kết quả thẩm định bằng phiếu

- Số phiếu đánh giá Chương trình phát ra: 07
- Số phiếu đánh giá Chương trình thu về: 07
- Số phiếu hợp lệ: 07
- Số phiếu không hợp lệ: 0
- Số phiếu đánh giá Chương trình đạt yêu cầu: 07
- Số phiếu đánh giá Chương trình không đạt yêu cầu: 0

6. Kết luận của Hội đồng thẩm định

- Chương trình đào tạo Đại học chính quy chuyên ngành Bản đồ đáp ứng được yêu cầu theo các quy định chung của Bộ Giáo dục và đào tạo và của Trường Đại học Mở-Địa chất.

- Đề nghị Bộ môn Bản đồ, Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai, trường Đại học Mở-Địa chất chỉnh sửa, bổ sung, điều chỉnh theo các nhận xét của các phản biện và thành viên Hội đồng.

- Nhất trí thông qua, sau khi chương trình đào tạo được sửa đổi.

Biên bản này được lập thành 03 bản.

Thư ký Hội đồng



TS. Bùi Ngọc Quý

Chủ tịch Hội đồng



PGS.TS. Nhữ Thị Xuân

HIỆU TRƯỞNG 



PGS.TS Lê Hải An

PHIẾU NHẬN XÉT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Họ và tên người nhận xét: PGS.TS. Nhữ Thị Xuân

Chức danh: PGS Năm phong: 2004

Học vị: Tiến sĩ: Năm bảo vệ: 2004

Cơ quan công tác: Bộ môn Bản đồ viễn thám, Khoa địa lý, Trường đại học Khoa học
Tự nhiên, đại học Quốc gia Hà Nội

Ngành: Bản đồ

Tên chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo Đại học chính quy, chuyên ngành
Bản đồ - ngành Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ; Mã số: 752050304

Của Bộ môn Bản đồ, khoa Trắc địa – Bản đồ và Quản lý đất đai, Trường đại học Mỏ
- Địa chất;

Ý KIẾN NHẬN XÉT

1. Về chất lượng chương trình

- Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp với xu thế khoa học công nghệ về lĩnh vực Trắc địa – Bản đồ và Hệ thông tin địa lý hiện nay trên thế giới, đáp ứng các tiêu chí về yêu cầu chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho khối ngành kỹ thuật và phù hợp với chuyên ngành Bản đồ trình độ đào tạo Đại học chính quy.

- Nhận xét về nội dung chương trình đào tạo:

+ Chương trình đào tạo hệ Đại học chính quy gồm hai hướng chuyên sâu: (1) Công nghệ sản xuất bản đồ với 164 tín chỉ (TC) và (2) Bản đồ -Hệ thông tin địa lý với 167 tín chỉ (TC) với thời gian đào tạo 5 năm, trong đó có 51 TC kiến thức giáo dục đại cương (trong đó có 6 TC tự chọn), 113 TC giáo dục chuyên nghiệp cho hướng chuyên sâu Công nghệ sản xuất bản đồ (trong đó có 31 TC cơ sở ngành bắt buộc, 68 TC Kiến thức chuyên ngành, 7 TC Thực tập sản xuất, thực tập tốt nghiệp, 7 TC Đồ án tốt nghiệp) và 116 TC giáo dục chuyên nghiệp cho hướng chuyên sâu Công nghệ sản xuất bản đồ (trong đó có 31 TC cơ sở ngành bắt buộc, 71 TC Kiến thức chuyên ngành, 7 TC Thực tập sản xuất, thực tập tốt nghiệp, 7 TC Đồ án tốt nghiệp). Các khối kiến thức phân chia như vậy là đảm bảo yêu cầu đầy đủ của chương trình đào tạo trình độ Đại học chính quy của chuyên ngành Bản đồ thuộc ngành Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ.

+ Chương trình đào tạo này đã có sự cập nhật các kiến thức và công nghệ hiện đại trong đào tạo Bản đồ, viễn thám và hệ thống tin địa lý trong nước và quốc tế, phù hợp với các yêu cầu về công nghệ sản xuất bản đồ và hệ thống tin địa lý hiện nay ở nước ta.

+ Chương trình đào tạo có tính đến yêu cầu phát triển khoa học công nghệ trong lĩnh vực bản đồ và hệ thống tin địa lý trong xu thế hội nhập cũng như sự phát triển của khoa học công nghệ ở trong và ngoài nước.

+ Chương trình đào tạo đã có sự tham khảo của các chương trình đào tạo đã có của các trường đại học trong và ngoài nước như Nga, Pháp, Trung Quốc, Đài Loan,... và các chương trình đào tạo của một số cơ sở đào tạo trong nước như Trường đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh,...

+ Nội dung các học phần được thiết kế hợp lý, phù hợp với chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tuy nhiên thời gian đào tạo 5 năm là hơi dài cần có lộ trình điều chỉnh giảm thời gian học xuống còn 4 năm sẽ phù hợp hơn.

+ Kế hoạch đào tạo được sắp xếp logic, phù hợp và có tính liên thông giữa các môn học với nhau trong từng học kỳ và giữa các học kỳ để đảm bảo sự phù hợp với điều kiện học tập của sinh viên hiện nay theo phương thức đào tạo tín chỉ.

2. Về hình thức chương trình

- Cấu trúc chung của chương trình đào tạo chuyên ngành Bản đồ được thiết kế theo các học phần và khối kiến thức về cơ bản được thiết kế khoa học, chặt chẽ, phù hợp với nội dung chương trình đào tạo hệ Đại học chính quy, đảm bảo những kiến thức cơ bản và cơ sở ngành và chuyên ngành phù hợp và cân đối.

- Các nội dung trong chương trình được bố trí cân đối, đảm bảo hình thức trình bày khoa học, logic.

Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ

Chương trình đào tạo Đại học chính quy, chuyên ngành Bản đồ - ngành Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ do Trường đại học Mở - Địa chất lập về cơ bản đáp ứng yêu cầu đào tạo Kỹ sư Trắc địa - Bản đồ trong giai đoạn hiện nay.

Ngày 12 tháng 4 năm 2018

Người nhận xét



PGS. TS. Nhữ Thị Xuân

PHIẾU NHẬN XÉT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Họ và tên người nhận xét: PGS.TS. Bùi Ngọc Quý

Chức danh: Phó giáo sư Năm phong: 2018

Học vị: Tiến sĩ: Năm bảo vệ: 2013

Cơ quan công tác: Trường đại học Mỏ - Địa chất

Ngành: Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ

Tên chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo Đại học chính quy, chuyên ngành

Bản đồ - ngành Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ; Mã số: 752050304

Của Bộ môn Bản đồ, khoa Trắc địa – Bản đồ và Quản lý đất đai, Trường đại học Mỏ - Địa chất;

Ý KIẾN NHẬN XÉT

1. Về chất lượng chương trình

Mục tiêu của chương trình phù hợp với xu thế đào tạo kỹ sư ngành Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ chuyên ngành Bản đồ trong và ngoài nước hiện nay.

Về nội dung: Chương trình được xây dựng theo đúng khung chương trình đại học khối ngành kỹ thuật do Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành do đó đảm bảo được các khối lượng kiến thức từ cơ bản cho đến kiến thức chuyên môn.

Nội dung chương trình đào tạo được thiết kế gồm hai hướng chuyên sâu: (1) Công nghệ sản xuất bản đồ với 164 tín chỉ (TC) và (2) Bản đồ -Hệ thông tin địa lý với 167 tín chỉ (TC) với thời gian đào tạo 5 năm, trong đó có 51 TC kiến thức giáo dục đại cương (trong đó có 6 TC tự chọn), 113 TC giáo dục chuyên nghiệp cho hướng chuyên sâu Công nghệ sản xuất bản đồ (trong đó có 31 TC cơ sở ngành bắt buộc, 68 TC Kiến thức chuyên ngành, 7 TC Thực tập sản xuất, thực tập tốt nghiệp, 7 TC Đồ án tốt nghiệp) và 116 TC giáo dục chuyên nghiệp cho hướng chuyên sâu Công nghệ sản xuất bản đồ (trong đó có 31 TC cơ sở ngành bắt buộc, 71 TC Kiến thức chuyên ngành, 7 TC Thực tập sản xuất, thực tập tốt nghiệp, 7 TC Đồ án tốt nghiệp). Các khối kiến thức phân chia như vậy là đảm bảo yêu cầu đầy đủ của chương trình đào tạo trình độ Đại học chính quy của chuyên ngành Bản đồ thuộc ngành Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ.

Chương trình đã có sự cập nhật các kiến thức mới trong và ngoài nước liên quan đến lĩnh vực khoa học và công nghệ về bản đồ, viễn thám và hệ thống tin địa lý.

Đề cương chi tiết các học phần về cơ bản được thiết kế khoa học, đáp ứng nội dung của môn học và phù hợp với xu thế khoa học công nghệ Bản đồ viễn thám và GIS tại các cơ sở sản xuất cũng như các cơ quan nghiên cứu trong nước và quốc tế.

Các môn học được thiết kế với thời lượng và dung lượng kiến thức một cách hợp lý và phù hợp với cấu trúc chương của toàn bộ chương trình.

Kế hoạch đào tạo được chia thành 10 học kỳ, các môn học được phân bố phù hợp trong 9 học kỳ đảm bảo sự cân đối kiến thức giữa các học kỳ và sự liên thông của các môn học. Tuy nhiên, để tiếp cận theo chuẩn chương trình đào tạo CDIO và có lộ trình để giảm thời lượng đào tạo xuống còn 4 năm sẽ phù hợp hơn.

2. Về hình thức chương trình

- Chương trình đào tạo được xây dựng rõ ràng, mạch lạc và có tính khoa học.
- Cấu trúc chung của chương trình đào tạo theo các học phần và các khối kiến thức được thiết kế khoa học, chặt chẽ, phù hợp với nội dung chương trình đào tạo hệ Đại học chính quy, đảm bảo sự phù hợp và cân đối.

Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ

Chương trình đào tạo Đại học chính quy, chuyên ngành Bản đồ - ngành Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ do Trường đại học Mở - Địa chất lập về cơ bản đáp ứng yêu cầu đào tạo Kỹ sư Trắc địa - Bản đồ trong giai đoạn hiện nay.

Ngày 12 tháng 4 năm 2018

Người nhận xét



PGS.TS. Bùi Ngọc Quý

PHIẾU NHẬN XÉT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Họ và tên người nhận xét: TS. Phạm Minh Hải

Chức danh: Năm phong:

Học vị: Tiến sĩ: Năm bảo vệ: 2014

Cơ quan công tác: Viện khoa học Đo đạc và Bản đồ Việt Nam

Ngành: Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ

Tên chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo Đại học chính quy, chuyên ngành

Bản đồ - ngành Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ; Mã số: 752050304

Của Bộ môn Bản đồ, khoa Trắc địa – Bản đồ và Quản lý đất đai, Trường đại học
Mỏ - Địa chất;

Ý KIẾN NHẬN XÉT

1. Về chất lượng chương trình

Chương trình đào tạo đại học chính quy chuyên ngành Bản đồ được xây dựng phù hợp với quy chế đào tạo Đại học hiện nay của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Nhận xét về mục tiêu đào tạo:

Mục tiêu của chương trình phù hợp với xu thế đào tạo trong và ngoài nước hiện nay đối với ngành đào tạo Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ và phù hợp với chuyên ngành Bản đồ trình độ Đại học chính quy.

- Nhận xét về nội dung chương trình đào tạo:

Nội dung chương trình đào tạo về cơ bản là phù hợp với mục tiêu và trình độ đào tạo.

Chương trình đã có sự cập nhật các kiến thức hiện đại trong đào tạo Bản đồ trên cơ sở tham khảo chương trình khung của một số trường đại học trên thế giới như: Nga, Pháp, Trung Quốc, Đài Loan,...và các chương trình đào tạo của một số cơ sở đào tạo trong nước như Trường đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh,...

Chương trình đào tạo hệ Đại học chính quy gồm hai hướng chuyên sâu: (1) Công nghệ sản xuất bản đồ với 164 tín chỉ (TC) và (2) Bản đồ -Hệ thông tin địa lý với 167 tín chỉ (TC) với thời gian đào tạo 5 năm, trong đó có 51 TC kiến thức giáo dục đại cương (trong đó có 6 TC tự chọn), 113 TC giáo dục chuyên nghiệp cho hướng chuyên sâu Công nghệ sản xuất bản đồ (trong đó có 31 TC cơ sở ngành bắt buộc, 68 TC Kiến

thức chuyên ngành, 7 TC Thực tập sản xuất, thực tập tốt nghiệp, 7 TC Đồ án tốt nghiệp) và 11~~6~~ TC giáo dục chuyên nghiệp cho hướng chuyên sâu Công nghệ sản xuất bản đồ (trong đó có 31 TC cơ sở ngành bắt buộc, ~~7~~¹¹ TC Kiến thức chuyên ngành, 7 TC Thực tập sản xuất, thực tập tốt nghiệp, 7 TC Đồ án tốt nghiệp). Các khối kiến thức phân chia như vậy là đảm bảo yêu cầu đầy đủ của chương trình đào tạo trình độ Đại học chính quy của chuyên ngành Bản đồ thuộc ngành Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ.

Chương trình đào tạo có tính đến yêu cầu phát triển khoa học công nghệ trong lĩnh vực bản đồ và hệ thông tin địa lý trong xu thế hội nhập cũng như sự phát triển của khoa học công nghệ ở trong và ngoài nước.

+ Các học phần được thiết kế hợp lý, phù hợp với chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Kế hoạch sắp xếp các học phần giữa các học kỳ tương đối hợp lý, đảm bảo được khả năng tiếp nhận kiến thức của sinh viên, đáp ứng được tính liên thông giữa các học phần với nhau.

2. Về hình thức chương trình

- Cấu trúc chung của chương trình đào tạo theo các học phần và chia thành 3 khối kiến thức: khối kiến thức cơ bản và cơ sở ngành và chuyên ngành, các khối kiến thức được thiết kế khoa học, chặt chẽ, phù hợp với nội dung chương trình đào tạo hệ Đại học chính quy, đảm bảo sự phù hợp và cân đối.

- Nội dung trong chương trình được bố trí cân đối, đảm bảo hình thức trình bày khoa học và logic.

Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ

Chương trình đào tạo Đại học chính quy, chuyên ngành Bản đồ - ngành Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ do Trường đại học Mở - Địa chất lập về cơ bản đáp ứng yêu cầu đào tạo Kỹ sư chuyên ngành Bản đồ trong giai đoạn hiện nay.

Ngày 12 tháng 4 năm 2018

Người nhận xét


TS. Phạm Minh Hải

PHIẾU NHẬN XÉT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Họ và tên người nhận xét: TS. Lưu Thế Anh

Chức danh: Năm phong:

Học vị: Tiến sĩ: Năm bảo vệ: 2013

Cơ quan công tác: Viện địa lý, Viện Hàn lâm Khoa học và công nghệ Việt Nam

Ngành: Địa lý

Tên chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo Đại học chính quy, chuyên ngành

Bản đồ - ngành Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ; Mã số: 752050304

Của Bộ môn Bản đồ, khoa Trắc địa – Bản đồ và Quản lý đất đai, Trường đại học
Mỏ - Địa chất;

Ý KIẾN NHẬN XÉT

1. Về chất lượng chương trình

Chương trình đào tạo Đại học, chuyên ngành Bản đồ, ngành Trắc địa – Bản đồ của bộ môn Bản đồ do Trường đại học Mỏ - Địa chất biên soạn có chất lượng tốt, có sự cập nhật các kiến thức hiện đại trong đào tạo Bản đồ trên cơ sở tham khảo chương trình khung của một số trường đại học trên thế giới như: Nga, Pháp, Trung Quốc, Đài Loan,...và các chương trình đào tạo của một số cơ sở đào tạo trong nước như Trường đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh,...

Chương trình đào tạo hệ Đại học chính quy gồm hai hướng chuyên sâu: (1) Công nghệ sản xuất bản đồ với 164 tín chỉ (TC) và (2) Bản đồ -Hệ thông tin địa lý với 167 tín chỉ (TC) với thời gian đào tạo 5 năm, các môn học trong từng kỳ và giữa các kỳ với nhau có sự sắp xếp hợp lý, logic và khoa học, giúp cho người học nắm được kiến thức các môn học đại cương, môn học cơ sở ngành và môn học chuyên ngành. Bên cạnh các môn học lý thuyết thì người học còn được đi thực tập tại các cơ sở sản xuất bên ngoài để có thể nắm rõ hơn những kiến thức lý thuyết đã được học trong trường, biết cách vận dụng vào

thực tiễn. Thời gian thực tập để sinh viên có được hình dung nhất định về công việc chuyên môn của mình.

Từ đó, người học có được tâm thế chủ động trang bị những kiến thức cần thiết cho mình cả về nhận thức, lý luận và các kỹ năng cần thiết cho công việc sau này.

2. Về hình thức chương trình

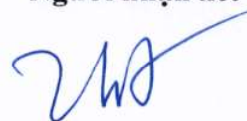
Chương trình đào tạo đại học được đánh máy rõ ràng, sạch đẹp, các chương mục, tiêu mục được trình bày, sắp xếp khoa học, hợp lý. Bố cục chặt chẽ, đảm bảo tính thống nhất giữa tất cả các học phần của chương trình đã được xây dựng.

Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ

Chương trình đào tạo Đại học chính quy, chuyên ngành Bản đồ - ngành Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ do Trường đại học Mở - Địa chất lập về cơ bản đáp ứng yêu cầu đào tạo Kỹ sư ngành Bản đồ trong giai đoạn hiện nay.

Ngày **12** tháng **4** năm 2018

Người nhận xét



TS. Lưu Thế Anh

PHIẾU NHẬN XÉT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Họ và tên người nhận xét: TS. Nguyễn Thế Công

Chức danh:

Năm phong:

Học vị: Tiến sĩ

Năm bảo vệ: 2011

Cơ quan công tác: Phòng Đào tạo, Trường Đại học Mỏ - Địa chất

Ngành:

Tên chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo Đại học chính quy, chuyên ngành

Bản đồ - ngành Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ; Mã số: 752050304

Của Bộ môn Bản đồ, khoa Trắc địa – Bản đồ và Quản lý đất đai, Trường đại học Mỏ - Địa chất;

Ý KIẾN NHẬN XÉT

1. Về chất lượng chương trình

- Nhận xét về mục tiêu đào tạo: mục tiêu của chương trình phù hợp với xu thế đào tạo của xã hội hiện nay đối với chuyên ngành Bản đồ, ngành Trắc địa bản đồ với trình độ đào tạo Đại học chính quy.

- Nhận xét về nội dung chương trình đào tạo:

+ Nội dung chương trình đảm bảo yêu cầu đầy đủ của chương trình đào tạo trình độ Đại học chính quy và phù hợp với mục tiêu và trình độ đào tạo.

+Chương trình có sự tham khảo nhất định các chương trình đào tạo Trắc địa Bản đồ hiện nay của các trường trong và ngoài nước.

+ Đề cương chi tiết của các học phần về cơ bản được thiết kế khoa học với thời lượng hợp lý. Khối lượng phù hợp với chương trình Khung của Bộ GD&ĐT.

2. Về hình thức chương trình

- Các nội dung trong chương trình được bố trí cân đối, đảm bảo hình thức, trình bày khoa học, logic.

- Cấu trúc chung của Chương trình đào tạo theo các học phần và khối kiến thức về cơ bản được thiết kế khoa học, chặt chẽ, phù hợp với nội dung chương trình đào tạo hệ Đại học chính quy, đảm bảo những kiến thức cơ bản về chuyên ngành đào tạo

Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ

Chương trình đào tạo Đại học chính quy, chuyên ngành Bản đồ - ngành Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ do Trường đại học Mở - Địa chất lập về cơ bản đáp ứng yêu cầu đào tạo Kỹ sư Trắc địa – Bản đồ trong giai đoạn hiện nay.

Ngày 12 tháng 4 năm 2018

Người nhận xét



TS. Nguyễn Thế Công

PHIẾU NHẬN XÉT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Họ và tên người nhận xét: TS Trần Thùy Dương

Chức danh: Năm phong:

Học vị: Tiến sĩ Năm bảo vệ: 2007

Cơ quan công tác: Khoa Trắc địa – Bản đồ và QLDD, Trường Đại học Mỏ - Địa Chất

Ngành: Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ

Tên chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo Đại học chính quy, chuyên ngành Bản đồ - ngành Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ; Mã số: 752050304

Của Bộ môn Bản đồ, khoa Trắc địa – Bản đồ và Quản lý đất đai, Trường đại học Mỏ - Địa chất;

Ý KIẾN NHẬN XÉT

1. Về chất lượng chương trình

Chương trình được xây dựng theo đúng chương trình khung do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành cho khối ngành Kỹ thuật.

Chương trình đào tạo đại học, chuyên ngành bản đồ của Bộ môn Bản đồ, Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai, Trường đại học Mỏ- Địa chất có nội dung hợp lý, logic và khoa học. Có chất lượng tốt, khối lượng kiến thức từ các môn học cung cấp cho người học những kiến thức chuyên môn và công nghệ đáp ứng với nhu cầu thực tiễn sản xuất hiện nay. Nội dung chương trình gồm hai hướng chuyên sâu: (1) Công nghệ sản xuất bản đồ với 164 tín chỉ (TC) và (2) Bản đồ -Hệ thông tin địa lý với 167 tín chỉ (TC) với thời gian đào tạo 5 năm được thiết kế phù hợp với mục tiêu và trình độ đào tạo hệ đại học chính quy chuyên ngành Bản đồ.

Bên cạnh những môn học lý thuyết thì người học còn được thực hành các môn chuyên ngành đào tạo giúp người học tổng quan được những kiến thức đã học để vận dụng vào thực tiễn sản xuất.

2. Về hình thức chương trình

Đề cương các môn học được trình bày sạch đẹp, rõ ràng. Chương trình đào tạo được sắp xếp một cách hợp lý và logic. Bố cục chặt chẽ, đảm bảo tính thống nhất giữa tất cả các học phần của chương trình đã được xây dựng

Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ

Chương trình đào tạo Đại học chính quy, chuyên ngành Bản đồ - ngành Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ do Trường đại học Mở - Địa chất lập về cơ bản đáp ứng yêu cầu đào tạo Kỹ sư chuyên ngành Bản đồ trong giai đoạn hiện nay.

Ngày 12 tháng 4 năm 2018

Người nhận xét



TS. Trần Thùy Dương

PHIẾU NHẬN XÉT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Họ và tên người nhận xét: TS. Nghiêm Văn Tuấn

Chức danh: Năm phong:

Học vị: Tiến sĩ: Năm bảo vệ: 2014

Cơ quan công tác: Cục viễn thám Quốc gia

Ngành: Bản đồ, viễn thám và hệ thống tin địa lý

Tên chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo Đại học chính quy, chuyên ngành

Bản đồ - ngành Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ; Mã số: 752050304

Của Bộ môn Bản đồ, khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai, Trường đại học Mỏ - Địa chất;

Ý KIẾN NHẬN XÉT

1. Về chất lượng chương trình

Mục tiêu của chương trình phù hợp với xu thế đào tạo trong và ngoài nước hiện nay đối với ngành đào tạo Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ và phù hợp với chuyên ngành Bản đồ trình độ Đại học chính quy.

Về nội dung: Chương trình được xây dựng theo đúng khung chương trình đại học khối ngành kỹ thuật do Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành do đó đảm bảo được các khối lượng kiến thức từ cơ bản cho đến kiến thức chuyên môn. Nội dung chương trình gồm hai hướng chuyên sâu: (1) Công nghệ sản xuất bản đồ với 164 tín chỉ (TC) và (2) Bản đồ - Hệ thống tin địa lý với 167 tín chỉ (TC) với thời gian đào tạo 5 năm được thiết kế phù hợp với mục tiêu và trình độ đào tạo hệ đại học chính quy chuyên ngành Bản đồ.

Chương trình đã có sự cập nhật các kiến thức hiện đại trong đào tạo Bản đồ trên cơ sở tham khảo chương trình khung của một số trường đại học trên thế giới và có tính đến yêu cầu phát triển khoa học công nghệ trong lĩnh vực bản đồ và hệ thống tin địa lý trong xu thế hội nhập cũng như sự phát triển của khoa học công nghệ ở trong và ngoài nước.

Các môn học được xây dựng trong chương trình đào tạo thể hiện sự tâm huyết của những người soạn thảo, tên môn học được thiết kế có tính lâu dài và có hướng tới sự phát triển của khoa học công nghệ trong lĩnh vực chuyên môn, có khả năng tiếp cận với khoa học công nghệ trên thế giới. Kế hoạch sắp xếp các môn học trong kế hoạch đào tạo (9 học

kỳ) tương đối hợp lý, phù hợp với chương trình khung của bộ và đảm bảo tính liên thông giữa các khối kiến thức.

2. Về hình thức chương trình

- Cấu trúc chung của chương trình đào tạo theo các học phần và chia thành 3 khối kiến thức: khối kiến thức cơ bản và cơ sở ngành và chuyên ngành, các khối kiến thức được thiết kế khoa học, chặt chẽ, phù hợp với nội dung chương trình đào tạo hệ Đại học chính quy, đảm bảo sự phù hợp và cân đối.

- Chương trình đào tạo được xây dựng rõ ràng, mạch lạc và có tính khoa học. Với nội dung đã thiết kế của chương trình đào tạo được phân bổ trong thời gian 5 năm có thể giúp cho người học tiếp thu một khối lượng kiến thức khá lớn và đầy đủ.

Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ

Chương trình đào tạo Đại học chính quy, chuyên ngành Bản đồ - ngành Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ do Trường đại học Mở - Địa chất lập về cơ bản đáp ứng yêu cầu đào tạo Kỹ sư Trắc địa - Bản đồ trong giai đoạn hiện nay.

Ngày 12 tháng 4 năm 2018

Người nhận xét



TS. Nghiêm Văn Tuấn

**BÁO CÁO CHỈNH SỬA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO,
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN, CHUẨN ĐẦU RA**

Chuyên ngành: Bản đồ

Ngành: Trắc địa - Bản đồ; Trình độ: Đại học

Bộ môn đã thống nhất kế hoạch và quy trình triển khai công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra trình độ đại học đảm bảo các yêu cầu của Nhà trường;

Căn cứ báo cáo tổng hợp kết quả rà soát chương trình đào tạo;

Căn cứ vào biên bản của bộ môn và hội thảo rà soát chương trình của bộ môn; hội đồng thẩm định chương trình đào tạo; biên bản hội đồng khoa học và đào tạo khoa;

Được sự phân công của lãnh đạo, từ tháng.....đến tháng.....Tổ công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo của bộ môn Bản đồ đã thực hiện việc nghiên cứu và chỉnh sửa chương trình đào tạo chuyên ngành: Bản đồ

Các nội dung cụ thể như sau:

1. Mục tiêu, nội dung của chương trình đào tạo

STT	Nội dung chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa	Các căn cứ đã tham khảo	Ghi chú
1	Nêu nội dung chương trình đào tạo năm 2018 không có gì thay đổi so với chương trình đào tạo năm 2016			

2. Đề cương chi tiết các học phần

STT	Tên học phần	Nội dung chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa	Các căn cứ đã tham khảo	Ghi chú
1	Nội dung đề cương chi tiết các học phần giữ nguyên, không thay đổi so với năm				

	2016.				
--	-------	--	--	--	--

3. Chuẩn đầu ra

STT	Nội dung chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa	Các căn cứ đã tham khảo	Ghi chú
1	Nội dung chuẩn đầu ra giữ nguyên, không bổ sung hay thay đổi so với chương trình chuẩn đầu ra năm 2016			

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Thùy Dương

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Bùi Ngọc Quý

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2018

**BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÀ SOÁT, ĐIỀU CHỈNH
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN,
CHUẨN ĐẦU RA**

Chuyên ngành Trắc địa bản đồ Trình độ: Đại học

Căn cứ báo cáo tổng hợp kết quả rà soát chương trình đào tạo;

Căn cứ vào biên bản của bộ môn và hội thảo rà soát chương trình của bộ môn; hội đồng thẩm định chương trình đào tạo; biên bản hội đồng khoa học và đào tạo khoa. Bộ môn: Bản đồ báo cáo kết quả rà soát chương trình đào tạo như sau:

Phần I. Nội dung

1. Nội dung, cấu trúc, thời lượng, mức độ liên thông

- Mức độ cập nhật, hội nhập so với các trường trong nước cũng như quốc tế: Tham khảo nội dung các chương trình đại học của các trường trong nước như ĐHQG-HN, ĐHQG-TPHCM, đồng thời tham khảo nội dung chương trình đào tạo chuyên ngành trắc địa bản đồ của ĐH Viên và ĐH kỹ thuật Viên (Áo). Nhìn chung, chương trình đã cập nhật nội dung kiến thức phù hợp với trình độ chung của các trường trong nước và tiệm cận với các nội dung giảng dạy của các trường nước ngoài.

- Kết quả rà soát nội dung kiến thức đối với cấu trúc của chương trình đào tạo, các khối kiến thức, các học phần bắt buộc, tự chọn:

Nhìn chung, khối kiến thức cơ sở và khối kiến thức cơ sở ngành không thay đổi, đây là khối kiến thức nền tảng, ít thay đổi theo thời gian. Đối với khối kiến thức chuyên ngành, các học phần bắt buộc và tự chọn không đổi. Dựa trên kết quả so sánh đối chiếu các chương trình đào tạo của các trường trong và ngoài nước, khối kiến thức chuyên ngành đã được cập nhật tương đương với các trường trong nước và tiệm cận trình độ kiến thức với các chương trình đào tạo nước ngoài.

- Đánh giá thời lượng của chương trình đào tạo:

Chương trình đào tạo có thời lượng 5 năm, bao gồm 2 hướng chuyên sâu (164 tín chỉ và 167 tín chỉ), đảm bảo được chất lượng đào tạo, tuy nhiên, một số học phần có thể rút ngắn để giảm thời lượng đào tạo.

- Đánh giá mức độ liên thông của chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo được thiết kế có mức độ liên thông cao. Chương trình đã tham khảo đầy đủ các chương trình đào tạo tương đương của ngành Trắc địa cũng như các chương trình của bậc học

thấp hơn để đảm bảo khả năng liên thông trong đào tạo, tạo điều kiện tốt nhất cho người học.

2. Đề cương chi tiết học phần *(tóm tắt những điểm lạc hậu hoặc chưa phù hợp)*

- Về mục tiêu của học phần: Về cơ bản, các học phần đều có mục tiêu rõ ràng, phù hợp với chương trình đào tạo. Một số đề cương cần chỉnh sửa một số lỗi về diễn đạt mục tiêu.

- Về thời lượng, nội dung kiến thức của học phần: Nhìn chung, khối lượng kiến thức, thời lượng, nội dung của các học phần là đầy đủ không có điểm lạc hậu.

- Tài liệu tham khảo: Một số học phần cần cập nhật các tài liệu tham khảo mới hơn cho phù hợp.

3. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

- Mức độ phù hợp với mục tiêu chung của nhà trường: Chương trình đào tạo phù hợp cao với mục tiêu chung của nhà trường.

- Mức độ đáp ứng yêu cầu của nhà sử dụng lao động: Qua tham khảo ý kiến của một số nhà sử dụng lao động, chương trình đào tạo đã đáp ứng tốt các yêu cầu tuyển dụng của các nhà sử dụng lao động trong ngành Trắc địa-Bản đồ và Quản lý đất đai

Phần II. Tổng hợp ý kiến của các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội-ngành nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp

2.1. Ý kiến của các nhà khoa học chuyên môn và giảng viên:

TS. Bùi Ngọc Quý: Chương trình đào tạo nhìn chung đã đáp ứng nhu cầu đào tạo, có nội dung phù hợp, một số học phần cần điều chỉnh nhỏ.

TS. Đỗ Thị Phương Thảo: một số học phần cần điều chỉnh về mục tiêu cho bám sát với thực tiễn giảng dạy.

TS Trần Quỳnh An: Các học phần công nghệ truyền thống cần được giảm tải, cập nhật một số kiến thức mới trong lĩnh vực bản đồ.

TS. Lưu Thế Anh: Nhìn chung, các học phần có nội dung tốt, bám sát mục tiêu đào tạo kỹ sư, tuy nhiên, một số học phần cần chỉnh sửa nhỏ để đảm bảo mục tiêu đào tạo.

ThS. Phạm Văn Hiệp: cần chỉnh sửa cập nhật các môn học trong học phần bắt buộc đảm bảo chất lượng đào tạo.

2.2. Ý kiến của cán bộ quản lý, đại diện các tổ chức nghề nghiệp và nhà tuyển dụng lao động

ThS. Nguyễn Vinh: Chương trình đào tạo nhìn chung là đáp ứng được yêu cầu tuyển dụng lao động của đơn vị. Mặc dù vậy, chương trình cần tăng thêm một số học phần kiến thức thực hành cho sát với thực tế.

ThS. Trần Thị Hải: Đối với đơn vị sản xuất chúng tôi, các kỹ sư được đào tạo từ chương trình của bộ môn bản đồ về cơ bản là đáp ứng tốt các yêu cầu kiến thức chuyên môn và tay nghề thực hành.

KS. Hoàng Tùng: Chương trình đào tạo khá đầy đủ về mặt kiến thức và thực hành. Các kỹ sư được tuyển dụng trong những năm gần đây đều có tay nghề tốt, kiến thức tốt.

2.3 Ý kiến của các cựu học viên, đã tốt nghiệp

KS. Nhữ Đình Quyền: sau khi tốt nghiệp, với kiến thức được học từ chương trình đào tạo, tôi đã được tuyển dụng vào làm đúng chuyên ngành và đáp ứng yêu cầu công việc.

KS. Lê Thị Phương Thảo: Sau khi tốt nghiệp, tôi đã được tuyển dụng vào đúng chuyên môn và đáp ứng được yêu cầu của công việc đang làm.

Phần III. Kiến nghị.

Về chương trình chung: đề nghị giữ nguyên cấu trúc chương trình và các học phần.

Về các học phần chi tiết: đề nghị chỉnh sửa mục tiêu đào tạo của một số học phần đảm bảo tính chặt chẽ, phù hợp.

TRƯỞNG KHOA



Trần Thuý Diệu

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Bùi Ngọc Quý

**BẢNG ĐỐI CHIẾU: SO SÁNH CÁC PHIÊN BẢN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NĂM 2016, NĂM 2018
CHUYÊN NGÀNH BẢN ĐỒ**

STT	Mã MH	Tên MH	TC	LT	Phân bố số tín chỉ	Tổ chức TC	Khoa phụ trách	Bộ môn phụ trách	Mã MH	Tên MH	TC	Nội dung thay đổi
BAC		CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC 2016	TĐBD1	TĐBD2	TH-TN	ĐA	TT	LV		CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC 2018		
		Hướng chuyên sâu công nghệ sản xuất bản đồ (TĐBD1)	164	167						Hướng chuyên sâu công nghệ sản xuất bản đồ	164	
1		Hướng chuyên sâu bản đồ - Hệ thống tin địa lý (TĐBD2)	51	51						Hướng chuyên sâu bản đồ - Hệ thống tin địa lý	51	167
		Kiến thức giáo dục đại cương	45	45						Kiến thức giáo dục đại cương	45	51
I.1		Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc								Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc		45
1	4020101	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê Nin 1	2	2	30	0	0	0	0	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê Nin 1	2	2
2	4020102	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê Nin 2	3	3	45	0	0	0	0	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê Nin 2	3	3
3	4020301	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	3	45	0	0	0	0	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	3
4	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	30	0	0	0	0	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
5	4010601	Tiếng Anh 1	3	3	45	0	0	0	0	Tiếng Anh 1	3	3
6	4010602	Tiếng Anh 2	3	3	45	0	0	0	0	Tiếng Anh 2	3	3
7	4010701	Giáo dục thể chất 1	1	1	15	0	0	0	0	Giáo dục thể chất 1	1	1
8	4010702	Giáo dục thể chất 2	1	1	15	0	0	0	0	Giáo dục thể chất 2	1	1
9	4010703	Giáo dục thể chất 3	1	1	15	0	0	0	0	Giáo dục thể chất 3	1	1
10	4010704	Giáo dục thể chất 4	1	1	15	0	0	0	0	Giáo dục thể chất 4	1	1
11	4010705	Giáo dục thể chất 5	1	1	15	0	0	0	0	Giáo dục thể chất 5	1	1
12	4020103	Pháp luật đại cương	2	2	30	0	0	0	0	Pháp luật đại cương	2	2
13	4010101	Đại số	3	3	45	0	0	0	0	Đại số	3	3
14	4010102	Giải tích 1	4	4	60	0	0	0	0	Giải tích 1	4	4
15	4010103	Giải tích 2	3	3	45	0	0	0	0	Giải tích 2	3	3
16	4010201	Vật lý đại cương 1 + TN	3	3	30	15	0	0	0	Vật lý đại cương 1 + TN	3	3
17	4010202	Vật lý đại cương 2 + TN	3	3	30	15	0	0	0	Vật lý đại cương 2 + TN	3	3
18	4010301	Hóa học đại cương 1 + TN	3	3	30	15	0	0	0	Hóa học đại cương 1 + TN	3	3
19	4080201	Tin học đại cương (dùng cho K. Thuật)	3	3	30	15	0	0	0	Tin học đại cương (dùng cho K. Thuật)	3	3
I.2		Kiến thức giáo dục đại cương tự chọn	6	6						Kiến thức giáo dục đại cương tự chọn	6	6
20	4010105	Xác suất thống kê	2	2	30	0	0	0	0	Xác suất thống kê	2	2
21	4010106	Phương pháp tính	2	2	30	0	0	0	0	Phương pháp tính	2	2
22	4010109	Logic đại cương	2	2	30	0	0	0	0	Logic đại cương	2	2
23	4010111	Toán rời rạc	2	2	30	0	0	0	0	Toán rời rạc	2	2
24	4010109	Logic đại cương	2	2	30	0	0	0	0	Logic đại cương	2	2
II		Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc	31	31						Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc	31	31
25	4050401	Trắc địa cơ sở 1 + BTL	4	4	60	0	0	0	0	Trắc địa cơ sở 1 + BTL	4	4
26	4050411	Thực tập Trắc địa cơ sở 1 (3 tuần)	2	2	0	30	0	0	0	Thực tập Trắc địa cơ sở 1 (3 tuần)	2	2
27	4050201	Trắc địa cao cấp đại cương	4	4	60	0	0	0	0	Trắc địa cao cấp đại cương	4	4
28	4050216	Thực tập trắc địa cao cấp C	1	1	0	15	0	0	0	Thực tập trắc địa cao cấp C	1	1
29	4050101	Cơ sở trắc địa công trình + BTL	3	3	45	0	0	0	0	Cơ sở trắc địa công trình + BTL	3	3
30	4050404	Lý thuyết sai số + BTL	3	3	45	0	0	0	0	Lý thuyết sai số + BTL	3	3
31	4050701	Cơ sở bản đồ và vẽ bản đồ + ĐA	4	4	45	0	15	0	0	Cơ sở bản đồ và vẽ bản đồ + ĐA	4	4
32	4040101	Địa chất đại cương	3	3	45	0	0	0	0	Địa chất đại cương	3	3
33	4050601	Địa chính đại cương	2	2	30	0	0	0	0	Địa chính đại cương	2	2
34	4040110	Địa mạo cảnh quan	2	2	30	0	0	0	0	Địa mạo cảnh quan	2	2
35	4050303	Cơ sở đo ảnh + BTL	3	3	45	0	0	0	0	Cơ sở đo ảnh + BTL	3	3
III		Kiến thức giáo dục chuyên ngành	68	71						Kiến thức giáo dục chuyên ngành	68	71
III.1		Kiến thức giáo dục chuyên ngành bắt buộc	48	51						Kiến thức giáo dục chuyên ngành bắt buộc	48	51
III.1.1		Kiến thức hỗ trợ chuyên ngành	8	8						Kiến thức hỗ trợ chuyên ngành	8	8
36	4050702	Địa lý tự nhiên	3	3	45	0	0	0	0	Địa lý tự nhiên	3	3
37	4050703	Địa lý kinh tế xã hội	2	2	30	0	0	0	0	Địa lý kinh tế xã hội	2	2
38	4050301	Cơ sở hệ thống tin địa lý (GIS)	3	3	45	0	0	0	0	Cơ sở hệ thống tin địa lý (GIS)	3	3
III.1.2		Kiến thức chuyên ngành	25	25						Kiến thức chuyên ngành	25	25
39	4050705	Thiết kế và thành lập bản đồ + BTL	3	3	30	0	0	0	0	Thiết kế và thành lập bản đồ + BTL	3	3
40	4050704	Phương pháp đo đạc + ĐA	3	3	30	0	15	0	0	Phương pháp đo đạc + ĐA	3	3
41	4050707	Bản đồ chuyên đề + ĐA	3	3	30	0	15	0	0	Bản đồ chuyên đề + ĐA	3	3
42	4050706	Bản đồ địa lý chung 1	2	2	30	0	0	0	0	Bản đồ địa lý chung 1	2	2

43	4050709	Trình bày bản đồ 1	2	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TD-BD&QLĐĐ	Bản đồ	4050709	Trình bày bản đồ 1	2	2
44	4050723	Trình bày bản đồ 2	2	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TD-BD&QLĐĐ	Bản đồ	4050723	Trình bày bản đồ 2	2	2
45	4050723	Bản đồ địa lý chung 2	2	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TD-BD&QLĐĐ	Bản đồ	4050723	Bản đồ địa lý chung 2	2	2
46	4050721	Thực tập bản đồ 1	3	3	0	45	0	0	0	3(0.6.3)	TD-BD&QLĐĐ	Bản đồ	4050721	Thực tập bản đồ 1	3	3
47	4050716	Ứng dụng phần mềm cơ sở dữ liệu trong quản lý tài nguyên và môi trường	3	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	TD-BD&QLĐĐ	Bản đồ	4050716	Ứng dụng phần mềm cơ sở dữ liệu trong quản lý tài nguyên và môi trường	3	3
48	4050731	Trình bày bản đồ	2	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TD-BD&QLĐĐ	Bản đồ	4050731	Trình bày bản đồ	2	2
III.1.4	Hướng (huyền) Sầu (TĐHD1): (Công nghệ sản xuất bản đồ															
49	4050708	Bản đồ biên	2	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TD-BD&QLĐĐ	Bản đồ	4050708	Bản đồ biên	2	2
50	4050312	Công tác biên tập bản đồ trong công nghệ đo ảnh số	2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	TD-BD&QLĐĐ	Bản đồ	4050312	Công tác biên tập bản đồ trong công nghệ đo ảnh số	2	2
51	4050711	In bản đồ	3	45	0	0	0	0	0	3(3.0.6)	TD-BD&QLĐĐ	Bản đồ	4050711	In bản đồ	3	3
52	4050719	Tổ chức sản xuất bản đồ và an toàn lao động	2	30	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	TD-BD&QLĐĐ	Bản đồ	4050719	Tổ chức sản xuất bản đồ và an toàn lao động	2	2
53	4050710	Phân tích và sử dụng bản đồ	3	45	0	0	0	0	0	3(3.0.6)	TD-BD&QLĐĐ	Bản đồ	4050710	Phân tích và sử dụng bản đồ	3	3
54	4050408	Phần mềm đồ họa trong trắc địa - BTL	3	45	0	0	0	0	0	3(3.0.6)	TD-BD&QLĐĐ	Trắc địa phổ thông và sai số	4050408	Phần mềm đồ họa trong trắc địa - BTL	3	3
III.1.4	Hướng (huyền) Sầu (TĐHD2): Bản đồ - Hệ thống tin địa lý															
55	4050713	Internet - GIS	3	45	0	0	0	0	0	3(3.0.6)	TD-BD&QLĐĐ	Bản đồ	4050713	Internet - GIS	3	3
56	4050714	Ứng dụng GIS trong biên tập thành lập Bản	3	45	0	0	0	0	0	3(3.0.6)	TD-BD&QLĐĐ	Bản đồ	4050714	Ứng dụng GIS trong biên tập thành lập Bản	3	3
57	4050712	Cơ sở dữ liệu GIS	3	45	0	0	0	0	0	3(3.0.6)	TD-BD&QLĐĐ	Bản đồ	4050712	Cơ sở dữ liệu GIS	3	3
58	4050715	Ứng dụng cơ sở dữ liệu trong quản lý tài nguyên và môi trường	3	45	0	0	0	0	0	3(3.0.6)	TD-BD&QLĐĐ	Bản đồ	4050715	Ứng dụng cơ sở dữ liệu trong quản lý tài nguyên và môi trường	3	3
59	4050720	Sử dụng phần mềm GIS	3	30	30	0	0	0	0	3(2.2.5)	TD-BD&QLĐĐ	Bản đồ	4050720	Sử dụng phần mềm GIS	3	3
60	4050718	Ứng dụng GIS hỗ trợ ra quyết định	3	45	0	0	0	0	0	3(3.0.6)	TD-BD&QLĐĐ	Bản đồ	4050718	Ứng dụng GIS hỗ trợ ra quyết định	3	3
III.2	Kiến thức chuyên ngành chọn theo khoa (12TC)															
61	4050102	Máy trắc địa và đo đạc điện tử	2	2	30	0	0	0	0	3(3.0.6)	TD-BD&QLĐĐ	Trắc địa công trình	4050102	Máy trắc địa và đo đạc điện tử	2	2
62	4050105	Trắc địa công trình đường hầm + BTL	3	45	0	0	0	0	0	3(3.0.6)	TD-BD&QLĐĐ	Trắc địa công trình	4050105	Trắc địa công trình đường hầm - BTL	3	3
63	4050106	Quan trắc biến dạng công trình	2	2	30	30	0	0	0	3(3.0.6)	TD-BD&QLĐĐ	Trắc địa công trình	4050106	Quan trắc biến dạng công trình	2	2
64	4050108	Thực tập trắc địa công trình (5 tuần)	3	3	0	45	0	0	0	3(0.6.3)	TD-BD&QLĐĐ	Trắc địa công trình	4050108	Thực tập trắc địa công trình (5 tuần)	3	3
65	4050110	Tư vấn giám sát trắc địa trong xây dựng	2	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TD-BD&QLĐĐ	Trắc địa công trình	4050110	Tư vấn giám sát trắc địa trong xây dựng	2	2
66	4050111	Tin học ứng dụng trong trắc địa công trình + BTL	3	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	TD-BD&QLĐĐ	Trắc địa công trình	4050111	Tin học ứng dụng trong trắc địa công trình - BTL	3	3
67	4050112	Ứng dụng định vị vệ tinh trong trắc địa công trình	2	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TD-BD&QLĐĐ	Trắc địa công trình	4050112	Ứng dụng định vị vệ tinh trong trắc địa công trình	2	2
68	4050113	Đo vẽ bản đồ công trình ngầm đồ thị	2	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TD-BD&QLĐĐ	Trắc địa công trình	4050113	Đo vẽ bản đồ công trình ngầm đồ thị	2	2
69	4050204	Trắc địa lý thuyết - BTL	3	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	TD-BD&QLĐĐ	Trắc địa cao cấp	4050204	Trắc địa lý thuyết + BTL	3	3
70	4050206	Trắc địa mặt cầu + BTL	2	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TD-BD&QLĐĐ	Trắc địa cao cấp	4050206	Trắc địa mặt cầu + BTL	2	2
71	4050207	Bình sai lưới trắc địa + BTL	2	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TD-BD&QLĐĐ	Trắc địa cao cấp	4050207	Bình sai lưới trắc địa + BTL	2	2
72	4050208	Trắc địa biến dạng địa hình	3	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	TD-BD&QLĐĐ	Trắc địa cao cấp	4050208	Trắc địa biến dạng địa hình	3	3
73	4050211	Ứng dụng phần mềm cơ sở dữ liệu trong quản lý tài nguyên và môi trường	2	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TD-BD&QLĐĐ	Trắc địa cao cấp	4050211	Ứng dụng phần mềm cơ sở dữ liệu trong quản lý tài nguyên và môi trường	2	2
74	4050214	Thực tập trắc địa cao cấp A	3	3	0	45	0	0	0	3(0.6.3)	TD-BD&QLĐĐ	Trắc địa cao cấp	4050214	Thực tập trắc địa cao cấp A	3	3
75	4050215	Thực tập trắc địa cao cấp B	2	2	0	30	0	0	0	2(0.2.2)	TD-BD&QLĐĐ	Trắc địa cao cấp	4050215	Thực tập trắc địa cao cấp B	2	2
76	4050216	Thực tập định vị vệ tinh	1	1	0	15	0	0	0	1(0.2.1)	TD-BD&QLĐĐ	Trắc địa cao cấp	4050216	Thực tập định vị vệ tinh	1	1
77	4050308	Đoạn đo và điều vẽ ảnh	2	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TD-BD&QLĐĐ	Đo ảnh - Viễn thám	4050308	Đoạn đo và điều vẽ ảnh	2	2
78	4050309	Đo ảnh phạm vi gần	2	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TD-BD&QLĐĐ	Đo ảnh - Viễn thám	4050309	Đo ảnh phạm vi gần	2	2
79	4050403	Bản đồ số và đồ chỉnh xác bản đồ địa hình	2	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TD-BD&QLĐĐ	Trắc địa phổ thông và sai số	4050403	Bản đồ số và đồ chỉnh xác bản đồ địa hình	2	2
80	4050405	Xử lý số liệu trắc địa + BTL	2	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TD-BD&QLĐĐ	Trắc địa phổ thông và sai số	4050405	Xử lý số liệu trắc địa + BTL	2	2
81	4050406	Ứng dụng lý thuyết xác suất thống kê trong trắc địa	2	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TD-BD&QLĐĐ	Trắc địa phổ thông và sai số	4050406	Ứng dụng lý thuyết xác suất thống kê trong trắc địa	2	2
82	4050407	Lập trình bài toán trắc địa cơ sở - BTL	3	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	TD-BD&QLĐĐ	Trắc địa phổ thông và sai số	4050407	Lập trình bài toán trắc địa cơ sở + BTL	3	3
83	4050408	Phần mềm đồ họa trong trắc địa - BTL	3	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	TD-BD&QLĐĐ	Trắc địa phổ thông và sai số	4050408	Phần mềm đồ họa trong trắc địa + BTL	3	3
84	4050409	Ứng dụng phần mềm cơ sở dữ liệu trong quản lý tài nguyên và môi trường	2	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TD-BD&QLĐĐ	Trắc địa phổ thông và sai số	4050409	Ứng dụng phần mềm cơ sở dữ liệu trong quản lý tài nguyên và môi trường	2	2
85	4050412	Thực tập Trắc địa cơ sở 2 (5 tuần)	3	3	0	45	0	0	0	3(0.6.3)	TD-BD&QLĐĐ	Trắc địa phổ thông và sai số	4050412	Thực tập Trắc địa cơ sở 2 (5 tuần)	3	3
86	4050513	Quy hoạch và quản lý môi trường	2	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TD-BD&QLĐĐ	Địa chính	4050513	Quy hoạch và quản lý môi trường	2	2
87	4050613	Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính	2	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TD-BD&QLĐĐ	Địa chính	4050613	Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính	2	2
88	4050623	Hệ thống thông tin đất đai 2	2	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TD-BD&QLĐĐ	Địa chính	4050623	Hệ thống thông tin đất đai 2	2	2
89	4050730	Các phương pháp sử dụng bản đồ	2	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TD-BD&QLĐĐ	Bản đồ	4050730	Các phương pháp sử dụng bản đồ	2	2
90	4050727	Ứng dụng tin học trong thiết kế và thành lập bản đồ	2	2	15	30	0	0	0	2(1.2.3)	TD-BD&QLĐĐ	Bản đồ	4050727	Ứng dụng tin học trong thiết kế và thành lập bản đồ	2	2
91	4050728	Thiết kế bản đồ địa phương tiện	2	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TD-BD&QLĐĐ	Bản đồ	4050728	Thiết kế bản đồ địa phương tiện	2	2
92	4050729	3D GIS và mô hình hóa bề mặt	2	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TD-BD&QLĐĐ	Bản đồ	4050729	3D GIS và mô hình hóa bề mặt	2	2
93	4050732	Ứng dụng phần mềm cơ sở dữ liệu trong quản lý tài nguyên và môi trường	2	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TD-BD&QLĐĐ	Bản đồ	4050732	Ứng dụng phần mềm cơ sở dữ liệu trong quản lý tài nguyên và môi trường	2	2
94	4050745	Sử dụng phần mềm MicroStation	2	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TD-BD&QLĐĐ	Bản đồ	4050745	Sử dụng phần mềm MicroStation	2	2
95	4050752	Sử dụng phần mềm MapInfo	2	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TD-BD&QLĐĐ	Bản đồ	4050752	Sử dụng phần mềm MapInfo	2	2
96	4050743	Tổng quát hóa bản đồ	3	3	45	0	0	0	0	3(3.0.6)	TD-BD&QLĐĐ	Bản đồ	4050743	Tổng quát hóa bản đồ	3	3
97	4050746	Kỹ năng trình bày bản đồ trên máy tính	2	2	30	0	0	0	0	3(3.0.6)	TD-BD&QLĐĐ	Bản đồ	4050746	Kỹ năng trình bày bản đồ trên máy tính	2	2
98	4050610	Địa chính đồ thị	2	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TD-BD&QLĐĐ	Địa chính	4050610	Địa chính đồ thị	2	2
99	4050622	Đo đạc địa chính 2	2	2	30	0	0	0	0	2(2.0.4)	TD-BD&QLĐĐ	Địa chính	4050622	Đo đạc địa chính 2	2	2

[illegible]

